

Day & học

Số 22 - tháng 04 | 2020

LÃNH ĐẠO GIÁO DỤC HIỆU QUẢ

30

SỰ THỰC VỀ “CÁC PHONG CÁCH HỌC TẬP”

28

6 CON ĐƯỜNG ĐỂ LÃNH ĐẠO NHÀ TRƯỜNG TỐT HƠN

25

MỘT NHÀ LÃNH ĐẠO TRƯỜNG HỌC HIỆU QUẢ XÂY GÌ VÀ DỰNG GÌ?

23

LÃNH ĐẠO TRƯỜNG HỌC HIỆU QUẢ: HIỂU BIẾT VỀ TỔ CHỨC

Số 22: Lãnh đạo giáo dục hiệu quả

Học thế nào?

TÌNH YÊU CỦA CHA MẸ ĐỊNH HÌNH HẠNH PHÚC CỦA CON NHƯ THẾ NÀO06

Phương Thục lược dịch

ĐỪNG CHỈ NÓI, HÃY TRÒ CHUYỆN!.....09

Đào Quỳnh Anh lược dịch

SƠ LƯỢC VỀ HỌC TẬP CHUYỂN HÓA11

Trần Phương Huyền dịch

Dạy thế nào?

5 CÁCH KHUYẾN KHÍCH HỌC VIÊN CHỦ ĐỘNG TRONG CÁC CUỘC THẢO LUẬN TRỰC TUYẾN.....14

Diệu Nguyễn dịch

THẾ NÀO LÀ MỘT GIÁO VIÊN TỐT?.....17

Thúy Tạ lược dịch

PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC.....20

Vụ Giáo dục Trung học

Quản lý giáo dục

LÃNH ĐẠO TRƯỜNG HỌC HIỆU QUẢ:

P1 - HIỂU BIẾT VỀ TỔ CHỨC23

Nhật Hoa lược dịch

MỘT NHÀ LÃNH ĐẠO TRƯỜNG HỌC HIỆU QUẢ

XÂY GÌ VÀ DỰNG GÌ?.....25

Thúy Tạ, Yến Chi lược dịch

6 CON ĐƯỜNG ĐỂ LÃNH ĐẠO NHÀ TRƯỜNG

TỐT HƠN28

Kiến Minh lược dịch

Cải tổ giáo dục

SỰ THỰC VỀ “CÁC PHONG CÁCH HỌC TẬP” 30

Linh Chi lược dịch

[30+ FRAMEWORKS GIÁO DỤC] -

KỲ 5 - IB LEARNER PROFILE.....34

Linh Chi lược dịch

Từ thực địa

HỌC SINH TIỂU HỌC MỸ HỌC VỀ

Ô NHIỆM MÔI TRƯỜNG.....37

Thu Hồng

Thể lệ gửi bài:

Quý thầy cô, anh chị có nội dung liên quan tới Dạy và Học muốn chia sẻ tới cộng đồng, xin vui lòng gửi về Ban Biên tập Lộn xộn qua email bientap@day-hoc.org

Cuối bài viết, tác giả xin vui lòng giới thiệu vài nét về bản thân: Họ tên, nơi công tác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, các chủ đề nghiên cứu yêu thích...

Do thời gian và nhân sự có hạn, Ban Biên tập xin phép chỉ liên hệ với các bài viết được chọn đăng.

Tinh thần 4.0

Ban Biên tập và quý thầy cô, anh chị gửi bài cộng tác đều chia sẻ tinh thần 4.0, tức là:

- 0 lương
- 0 văn phòng
- 0 chuyên môn cao
- 0 giới hạn không gian - thời gian

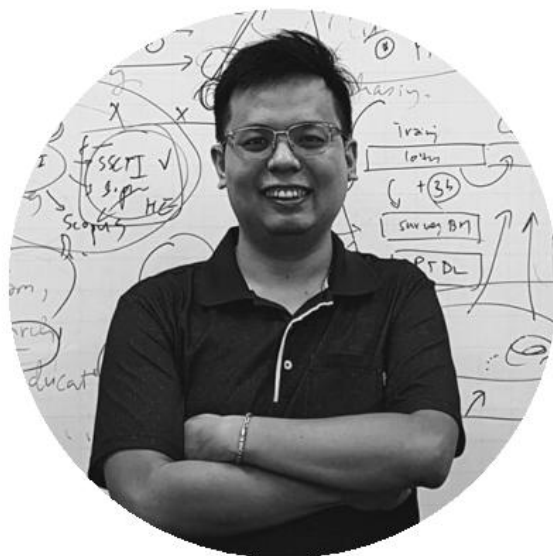
Địa chỉ gửi bài:

Bientap@day-hoc.org

Chia sẻ:

Quý thầy cô, anh chị cảm thấy nội dung Dạy và Học có ích, xin vui lòng chia sẻ tới bất kỳ những ai quan tâm, kèm theo trích dẫn nguyên vẹn và đầy đủ về nguồn gốc bài viết.

Mọi người nói về **Dạy & Học**



“Dạy & Học là ấn phẩm không thể thiếu đối với các nhà trường phổ thông”

- TS Phạm Hiệp, Chuyên gia Giáo dục

Lời tựa

Quý độc giả thân mến,

Đại dịch COVID-19 đã đem lại nhiều tác động đến mọi ngành nghề, và đem đến trạng thái “Bình thường mới” (the new normal). **Dạy&Học số 22** với chủ đề **Lãnh đạo Giáo dục hiệu quả** mang đến các bài viết đơn sơ, căn bản, mong ước được góp sức cùng quý vị triển khai những thực hành hiệu quả trong quản lý việc học và dạy.

Trong chuyên mục Học thế nào, chúng ta cùng tìm hiểu thêm về *Học tập chuyển hoá* (transformative learning), và *Sự ảnh hưởng từ tình yêu của cha mẹ tới hạnh phúc của con trẻ*. Có lẽ, chúng ta sẽ có đôi chút ngạc nhiên với những điều thú vị xảy ra trong quá trình giao tiếp với trẻ nhỏ: *Đừng chỉ nói, hãy trò chuyện!*

Chuyên mục Dạy thế nào kỳ này bao gồm một thảo luận với chủ đề “Thế nào là một giáo viên tốt?”, và hai hướng dẫn sư phạm cụ thể. Thứ nhất, bài viết “*5 cách khuyến khích học viên chủ động trong các cuộc thảo luận trực tuyến*” hỗ trợ trực tiếp cho các hoạt động giảng dạy từ xa. Thứ hai, chúng tôi giới thiệu lại nội dung “*Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực*”, từ tài liệu hướng dẫn của Vụ Giáo dục Trung học. Mặc dù tài liệu này được giới thiệu từ năm 2014, nhưng có vẻ chủ đề này vẫn còn chưa được chú tâm và cần thêm những thực hành, tổng kết cụ thể.

Các nội dung cơ bản, nền tảng về quản lý chương trình, nhà trường và con người trong mục Quản lý giáo dục: Sự cần thiết về việc hiểu rõ tổ chức giáo dục của mình? Các đặc tính của nhà quản lý giáo dục hiệu quả; và các gợi ý để trở thành nhà lãnh đạo giáo dục hiệu quả. Trong chuyên mục Cải tổ, bên cạnh kỳ 5 của loạt bài về các Framework giáo dục, chúng tôi xin giải ảo một chút về “các phong cách học tập”, một chủ đề mà chúng ta vẫn thường hay có những ngộ nhận.

Cuối cùng, **Dạy&Học số 22** khép lại với chia sẻ từ thực địa, với các bài học về môi trường của học sinh tiểu học ở học khu Gwinnett, tiểu bang Georgia, Hoa Kỳ.

Xin chúc Quý vị có những khoảng thời gian thú vị.

Trân trọng,

Ban Biên tập Lộn Xộn





TÌNH YÊU CỦA CHA MẸ ĐỊNH HÌNH HẠNH PHÚC CỦA CON NHƯ THẾ NÀO

Sandi Schwartz¹ | Phương Thục lược dịch

Tất cả chúng ta đều có một cuộc sống bận rộn đầy căng thẳng cùng với những mối quan tâm vô tận với tư cách là cha mẹ, nhưng rõ ràng một trong những điều quan trọng chúng ta cần làm là tạm dừng và trao cho con cái của chúng ta một sự gắn kết yêu thương.

Nhiều nghiên cứu trong suốt thập kỷ qua đã nhấn mạnh mối liên hệ giữa cảm nhận tình yêu trong thời thơ ấu với sức khỏe và hạnh phúc trong tương lai. Khoa học ủng hộ ý kiến cho rằng sự ấm áp và tình thương của cha mẹ dành cho con

cái mang lại những kết quả tích cực suốt đời cho những đứa trẻ đó, theo Child trends.

Những đứa trẻ nhận được nhiều sự yêu thương từ cha mẹ thường có lòng tự trọng cao hơn, kết quả học tập được cải thiện, giao tiếp giữa cha mẹ và con cái tốt hơn và ít nảy sinh các vấn đề về tâm lý và hành vi. Mặt khác, những đứa trẻ không có cha mẹ tình cảm có xu hướng có lòng tự trọng thấp hơn và cảm thấy xa lánh, thù địch, gây hấn và chống đối xã hội hơn.

Khi các em bé được tám tháng tuổi, các nhà tâm lý học đã quan sát sự tương tác của chúng với mẹ khi chúng thực hiện một số bài kiểm tra về phát triển. Các nhà tâm lý học đánh giá mức độ

¹ How a parent's affection shapes a child's happiness for life: <https://www.mother.ly/child/how-a-parents-affection-shapes-a-childs-happiness-for-life>

tình cảm và sự chú ý của người mẹ theo thang điểm năm, phạm vi từ “cực tuyệt” đến “nồng nhiệt”. Khoảng 10% bà mẹ cho thấy mức độ tình cảm thấp, 85% cho thấy tình cảm bình thường và khoảng 6% biểu hiện mức độ tình cảm cao.

Sau đó 30 năm, những cá nhân đó đã được phỏng vấn về sức khỏe cảm xúc của họ. Những người trưởng thành có mẹ thể hiện tình cảm ở mức “nồng nhiệt” hay “âu yếm” cho thấy ít có khả năng bị căng thẳng và lo âu hơn hẳn so với những người khác. Họ cũng có ít hơn sự thù địch, gây phiền nhiễu các tương tác xã hội và các triệu chứng tâm lý khác.

Các nhà nghiên cứu tham gia vào nghiên cứu này đã kết luận rằng kết quả trên có liên quan đến hoóc-môn Oxytocin - một chất hóa học trong não bộ được giải phóng trong thời gian một người cảm nhận sự yêu thương và kết nối. Oxytocin đã được chứng minh là giúp cha mẹ gắn kết với con cái, gia tăng cảm giác tin tưởng và được hỗ trợ. Sự gắn kết với cha mẹ rất có thể đã giúp não bộ sản xuất và sử dụng oxytocin, khiến trẻ có những cảm xúc tích cực hơn.

Tiếp theo, một nghiên cứu năm 2013 từ UCLA cho thấy tình yêu thương và tình cảm vô điều kiện từ cha mẹ có thể khiến trẻ hạnh phúc hơn về mặt cảm xúc và bớt lo âu. Điều này xảy ra bởi vì bộ não của chúng thực sự đã thay đổi như là kết quả của việc nhận được tình yêu thương từ bố mẹ. Mặt khác, tác động tiêu cực của sự lạm dụng thời thơ ấu và thiếu thốn tình yêu thương sẽ ảnh hưởng đến trẻ em cả về tinh thần và thể chất. Điều này có thể dẫn đến tất cả các loại vấn đề về sức khỏe và cảm xúc trong suốt cuộc đời của chúng. Một điều thực sự hấp dẫn là các nhà khoa học cho thấy rằng tình yêu thương của cha mẹ thực sự có thể bảo vệ và trợ giúp cho con của họ chống lại tác hại của những căng thẳng thời thơ ấu.

Vào năm 2015, một nghiên cứu của Đại học Notre Dame đã chỉ ra rằng những đứa trẻ cảm nhận được nhiều tình yêu thương từ cha mẹ sẽ hạnh phúc hơn khi trưởng thành. Hơn 600 người lớn đã được khảo sát về cách họ được nuôi dưỡng, bao gồm cả tình cảm thể chất. Những người trưởng thành từng nhận được nhiều tình cảm trong thời thơ ấu cho thấy ít trầm cảm và lo âu hơn và có sự trắc ẩn nhiều hơn. Những người nhận được ít tình cảm thường phải chống chọi với các vấn đề về sức khỏe tâm thần, có xu hướng trở nên bối rối, e ngại hơn trong các tình huống xã hội và ít có khả năng cảm thông với người khác.

Các nghiên cứu cũng chỉ ra những lợi ích của việc tiếp xúc da kề da (skin-to-skin) với trẻ sơ sinh. Sự tương tác đặc biệt này giữa mẹ và bé, đặc biệt, giúp bé được trấn an, bình tĩnh hơn từ đó giúp bé ít khóc và ngủ ngon hơn. Nó cũng đã được chứng minh là thúc đẩy sự phát triển của não bộ. Theo một bài báo trên Science American, những đứa trẻ sống trong môi trường thiếu thốn tình thương như trại trẻ mồ côi thường có lượng hormone căng thẳng (cortisol) cao hơn những đứa trẻ sống cùng bố mẹ. Các nhà khoa học tin rằng việc thiếu tiếp xúc thể chất trong các trại trẻ mồ côi là một yếu tố chính trong những thay đổi sinh lý thể chất này.

Cuối cùng, nhiều nghiên cứu về tác dụng của việc vuốt ve, mát-xa cho thấy những lợi ích tích cực mà nó mang lại để giảm lo lắng ở trẻ em. Vuốt ve cũng là một cách tốt để cha mẹ kết nối với con cái, cả về thể chất và tinh thần. Bắt đầu từ khi còn nhỏ, cha mẹ có thể bắt đầu mát-xa cho con mình, điều này có thể tạo ra một liên kết mạnh mẽ. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng trẻ em và người lớn nhận được trải nghiệm âu yếm thường ít bị lo âu hơn trong thời gian học tập, ở lại bệnh viện và trong các sự kiện căng thẳng khác.

Từ các nghiên cứu trên, một số gợi ý dưới đây được đưa ra để giúp cha mẹ có thể biểu hiện và truyền tải tốt hơn tình yêu thương của mình:

1. Từ lúc bạn đưa bé từ bệnh viện về nhà, hãy nhớ bông bế, chạm và dùng đưa nhẹ chúng trong vòng tay bạn. Dành nhiều khoảnh khắc quý giá vuốt ve, âu yếm em bé của bạn để làn da của chúng có thể chạm và tiếp xúc với da của bạn.

2. Khi con lớn hơn, hãy chơi đùa cùng chúng. Cùng nhau làm các hoạt động vui nhộn như nhảy cùng nhau hoặc tạo ra các trò chơi ngớ ngẩn như đóng vai là một người đuổi bắt và ôm hôn con bạn.

3. Đặt lời nhắc để đảm bảo những cái ôm là một phần trong thói quen hàng ngày của bạn. Giống như bộ phim Trolls, bạn có thể đặt báo thức cho mình hoặc đảm bảo ôm con trong những khoảng thời gian nhất định trong ngày, chẳng hạn như trước khi chúng đi học, khi chúng đi học về, và trước khi đi ngủ.

4. Kỷ luật con trong tình yêu thương

Khi bạn nói với con về những gì con đã làm sai, hãy đặt tay lên vai con. Nếu có thể hãy ôm con vào cuối cuộc trò chuyện như một cách để đảm bảo với con rằng, ngay cả khi bạn không hài lòng với hành vi của chúng, bạn vẫn yêu chúng. Cuối cùng, hãy cẩn thận đừng quá nhiệt tình và khiến con bạn cảm thấy “ngộp thở”. Tôn trọng mức độ cảm thấy thoải mái của chúng, và lưu ý rằng điều mức độ này sẽ thay đổi khi chúng trải qua các giai đoạn khác nhau và thay đổi theo thời gian chúng lớn lên.

Lưu ý rằng: Tình yêu thương của bố mẹ dành cho con có thể rất khác so với tình yêu thương mà đưa con “cảm nhận được” từ cha mẹ mình.





ĐỪNG CHỈ NÓI, HÃY TRÒ CHUYỆN!

Bari Walsh¹ | Đào Quỳnh Anh lược dịch

“Tương tác giữa cha mẹ với trẻ kích thích não bộ và tăng cường phản ứng của não bộ với ngôn ngữ, thúc đẩy các kỹ năng đọc viết về lâu dài”

Dành cho cha mẹ, những người cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em và giáo viên, nghiên cứu mới đây đã mô tả một cách thức cực kỳ đơn giản và hữu hiệu giúp phát triển não bộ của trẻ: đó là đối thoại thường xuyên với trẻ từ khi trẻ còn nhỏ.

Công trình nghiên cứu trên *Psychological Science* dẫn đầu bởi Rachel Romeo, cùng các đồng tác giả tại Đại học Harvard, MIT và Pennsylvania là nghiên cứu đầu tiên cho thấy mối liên hệ giữa các từ ngữ trẻ nghe khi ở nhà với sự phát triển của năng lực xử lý thần kinh của trẻ

Một nghiên cứu năm 1995 đã nhận thấy khoảng cách đáng kể về số lượng từ mà trẻ sinh ra trong gia đình có thu nhập cao nghe được so với trẻ sinh ra trong gia đình có thu nhập thấp, dẫn tới nhiều nỗ lực để làm phong phú tiếp cận ngôn ngữ ở trẻ thời điểm đó. Nhưng những công trình gần đây đã bổ sung một góc nhìn khác, cho thấy rằng “số lượng từ mà người lớn nói không có liên quan đến quá trình xử lý ngôn ngữ ở trẻ, mà là số lượt hội thoại” - Romeo nói. “và những phản ứng thần kinh đó lần lượt dự đoán các kỹ năng ngôn ngữ ở trẻ. Do vậy, chính chất lượng tiếp xúc với ngôn ngữ mới là quan trọng.”

Về mặt khoa học, các nhà nghiên cứu đã sử dụng một máy ghi âm có độ chân thực cao - một hệ thống có tên Phân tích môi trường ngôn ngữ (hay còn được gọi là LENA) - để ghi lại mọi từ ngữ được nói ra và nghe bởi 36 trẻ từ 4 - 6 tuổi thuộc nhiều tầng lớp kinh tế xã hội khác nhau trong 2 ngày. Các bản ghi âm được phân tích để đo số lượng từ ngữ mỗi đứa trẻ nói ra, số lượng

¹ The Brain-Changing Power of Conversation: <https://www.gse.harvard.edu/news/uk/18/02/brain-changing-power-conversation>

từ mà mỗi trẻ nghe được, và số lượt hội thoại - trao đổi qua lại bắt đầu bởi người lớn hoặc trẻ.

So sánh các phép đo với kết quả quét não của từng đứa trẻ, phân tích cho thấy sự khác biệt về số lượt hội thoại giải thích cho sự khác biệt trong sinh lý não bộ, cũng như những khác biệt trong kỹ năng ngôn ngữ bao gồm từ vựng, ngữ pháp và lý giải ngôn ngữ.

Theo Romeo, tương tác trong đối thoại không chỉ liên quan đến những trao đổi về mặt ngôn ngữ mà còn tham gia vào sự tương tác xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển nhận thức ở trẻ. Công trình nghiên cứu này cho thấy tầm quan trọng của việc người chăm sóc không nên chỉ đơn thuần nói với trẻ mà nên trò chuyện tương tác qua lại với chúng. Ngay từ thời thơ ấu, chúng ta có thể coi trẻ như một đối tượng trò chuyện. Rõ ràng đối với trẻ nhỏ, một “cuộc hội thoại” với chúng có thể sẽ khác nhau theo từng giai đoạn phát triển. Với trẻ sơ sinh, đó có thể là sự trao đổi qua lại những tiếng cười khúc khích

hay nói u ơ; với trẻ tập đi, đó có thể là sự lặp lại và mở rộng những câu nói; và với những trẻ lớn hơn, đó có thể là những câu hỏi bắt đầu bởi ‘ai, cái gì, ở đâu và như thế nào’

Rút ra từ các kết quả nghiên cứu, những điều mà cha mẹ và các nhà giáo dục đầu đời nên lưu ý đó là:

- Từ thời thơ ấu, cha mẹ nên tìm kiếm cơ hội để trò chuyện với con mình - ngay cả khi trẻ chỉ phản ứng lại bằng âm thanh “u ơ” và thổi bong bóng trong miệng.
- Tương tác trò chuyện giữa người chăm sóc và trẻ đủ để tạo ra những biến đổi sinh học trong não bộ của trẻ. Chất lượng của những trao đổi này quan trọng hơn số lượng từ ngữ mà trẻ nghe được
- Các cuộc hội thoại thúc đẩy kỹ năng đọc viết và phát triển nhận thức ở trẻ dù trẻ sinh ra trong gia đình thuộc tầng lớp kinh tế xã hội nào, bất kể thu nhập hay trình độ tri thức của cha mẹ. Đây là một công cụ mạnh mẽ, đơn giản và khả thi dành cho tất cả các bậc phụ huynh sử dụng.



SƠ LƯỢC VỀ HỌC TẬP CHUYỂN HÓA



Trần Phương Huyền dịch từ
Tomorrow's Teaching and Learning¹

Thuyết học tập chuyển hóa theo Mezirow (1997) là quá trình làm biến đổi khung tham chiếu (frames of reference). Thuyết này định nghĩa khung tham chiếu là “những cơ cấu giả định mà nhờ đó chúng ta hiểu rõ kinh nghiệm của mình”. Khung này tạo ra và giới hạn những mong muốn, nhận thức, tri giác và cảm xúc của chúng ta một cách có chọn lọc (Mezirow, 1997). Theo đó ta hiểu rằng “hành động và cách cư xử sẽ được thay đổi dựa trên sự thay đổi về quan niệm của ta” (Cranton, 1994).

“Thuyết học tập chuyển hóa dẫn ta tới việc xem xét học tập như là một quá trình để nhận thức được những giả định của một ai đó và xem lại những giả định này”. Cranton (1994), đơn giản khẳng định: “Nếu những giả định cơ bản không được kiểm chứng, thay đổi sẽ không bao giờ xảy ra”, cũng như chỉ ra rằng chúng ta có xu hướng sử dụng một loạt những giả định để điều

chỉnh hướng dạy học. Sokol và Cranton (1998) giải thích rõ hơn: “Một người học chuyển hóa (transformative learner) sẽ nghi vấn quan điểm của chính mình, nhờ đó mở ra tầm nhìn mới trong quá trình thực hành, xem xét lại ý kiến, và hành động dựa trên góc nhìn mới”. Mezirow (1997) đưa ra chú ý rằng “người học cần thực hành để nhận ra khung tham chiếu và sử dụng trí tưởng tượng của mình để định nghĩa lại những vấn đề từ một góc nhìn hoàn toàn khác”. Một vài tác giả còn chỉ ra sự cần thiết của việc dành thời gian cho quá trình tự phản biện (Pohland & Bova, 2000).

Bên cạnh quá trình tự phản biện (reflection) để xem xét những giả định, học tập chuyển hóa còn yêu cầu một bối cảnh xã hội đáng tin cậy dành cho việc đối thoại, hay còn gọi là thuyết trình phản biện - reflective discourse (Mezirow, 2000) hay thuyết trình phê phán tích cực - critical discourse (Grabove, 1997). Cranton (1994) cho rằng phương pháp học tập chuyển hóa hứa hẹn nhất để phát triển năng lực của giáo viên là “một nhóm giáo viên thực sự hứng thú với việc

1 <https://tomprof.stanford.edu/posting/621>

dạy học” làm việc lâu dài với nhau. Taylor (2000) đã phát hiện ra rằng yếu tố chính, thường xuyên xuất hiện trong quá trình học tập chuyển hóa chính là bối cảnh của các mối quan hệ (context of relationships). Imel (1998) đồng ý với tầm quan trọng của việc thiết lập mối quan hệ giữa những người học.

Một vài nguồn chú trọng vào từng cơ quan riêng lẻ (individual agency); người học có mục đích của mình (learners having their own design) (Taylor, 2000); suy nghĩ độc lập (autonomous thinking); kiểm soát và lựa chọn (control and choice) (Grabove, 1997; Mezirow, 1997). Mezirow (1997) đưa ra gợi ý rằng nhà giáo dục chỉ là người tạo điều kiện hay người khơi gợi, khuyến khích sự tự điều chỉnh và kiểm soát cần cho học tập chuyển hóa. Vai trò của nhà giáo dục hay người phát triển đội ngũ giáo viên trong quá trình học tập chuyển hóa thay đổi, bằng cách chuyển dần quyền hành, trách nhiệm và khả năng quyết định sang cho giáo viên (Cranton, 1994). Robertson (1997) đã đưa ra những ý kiến mở rộng hơn về tầm quan trọng của việc thiết lập một mối quan hệ giúp đỡ. Theo Baumgartner (2001) trong “sống trong một viễn cảnh mới” (living in a new perspective), hành động theo góc nhìn mới rất cần thiết cho quá trình học tập chuyển hóa.

Ngược lại với những yếu tố cần thiết cho quá trình học tập chuyển hóa, kết quả của sự chuyển hóa có thể tóm gọn lại trong nghiên cứu của Cranton (1992) là 3 dạng thay đổi: thay đổi trong giả định, thay đổi trong tầm nhìn, và thay đổi trong hành vi. Boyd (1989) khẳng định rằng tự bản thân kết quả của học tập chuyển hóa đã bao gồm sự thay đổi.

Lý thuyết và ý tưởng của Mezirow đã được mở rộng bởi một vài lý thuyết gia (Boyd, 1991; Grabove, 1997; Robertson, 1997), họ quan tâm đến những khía cạnh hợp lý và một chiều của sự biến đổi mà Mezirow đã nhấn mạnh. Baumgart-

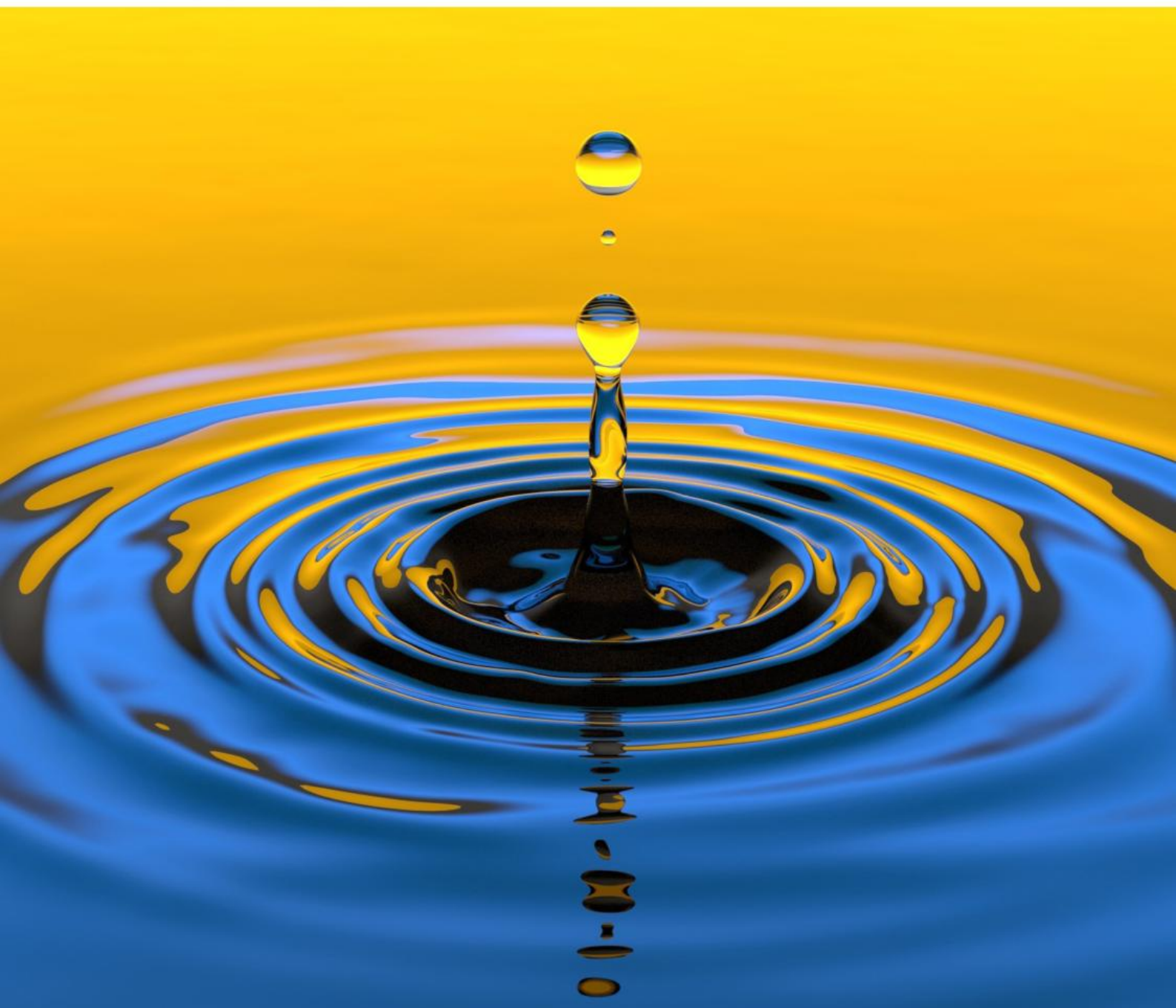
ner (2001) phản bác rằng “học tập chuyển hóa là một quá trình phức tạp, có sự tham gia của cả suy nghĩ và cảm nhận”, khi so sánh với luận điểm của Dirkx (1998) cho rằng sự biến đổi này liên quan đến học tập bằng tâm hồn (soul-based learning), không bị ràng buộc bởi học tập dựa trên lý trí và nhận thức. Grabove (1997) đi xa hơn khi nhấn mạnh tiềm năng kết hợp của một người với người khác, làm mới khía cạnh không dựa trên lý trí của học tập chuyển hóa. Bà gợi ý rằng người học chuyển hóa “chuyển động qua lại giữa tri giác và trực giác, giữa lý trí và tưởng tượng, giữa chủ động và bị động, giữa cá nhân và xã hội” (Grabove, 1997).

Áp dụng học tập chuyển hóa như thế nào?

Có lẽ những chuyên gia đào tạo giáo viên cũng từng đặt ra câu hỏi, liệu ta đã đưa ra được những chương trình giúp giáo viên hiểu biết sâu rộng hơn hay mang đến những biến đổi đột phá? Liệu chúng ta có đang hướng đến nâng cao tri thức cũng như kỹ năng, nhưng lại không tạo ra được những cơ hội để người giảng viên có thể tự phản biện, tự định nghĩa lại, và giảng dạy bằng cả tâm hồn? Không lẽ là vô lý khi tưởng tượng rằng một lúc nào đó trong cuộc đời, người giáo viên có thể tìm thấy ý nghĩa sâu xa hơn trong công việc cũng như thay đổi về tư duy? Liệu những người làm công tác đào tạo có đang xem xét làm cách nào, hay sẵn sàng đưa ra nhiều cơ hội trong việc mở rộng phương pháp học tập và đào tạo? Mặc dù thời gian và kinh phí hạn hẹp, liệu ta có bắt buộc chỉ đưa ra những chương trình phổ biến nhất, mà không mạo hiểm tìm ra những cơ hội hứa hẹn sự thay đổi? Chắc chắn rằng không phải tất cả giáo viên, ở mọi thời điểm trong cuộc đời đứng lớp quan tâm đến việc đầu tư vào các chương trình giảng dạy học tập chuyển hóa, mà thường do áp lực về thời gian, sẽ thích những kỹ năng mới có thể nhanh chóng nâng cao khả năng giảng dạy của mình. Nhưng câu hỏi đặt ra cho những người đào tạo giáo viên không phải là tiếp cận với đám đông như thế nào, mà là làm

sao để mang đến nhiều cơ hội nâng cao việc dạy và học của giáo viên ở những trình độ khác nhau. Kiểu chương trình đào tạo nào tạo ra sự biến đổi này, và làm cách nào khẳng định được bằng chứng của sự biến đổi ấy?

Khi nhìn vào bằng chứng của thuyết học tập chuyển hóa, những người làm giáo dục có thể cân nhắc việc đầu tư vào những chương trình giảng dạy thực sự giúp thay đổi từng người học, để không chỉ thay đổi cách dạy và học hiện nay, mà còn biến đổi cả cấu trúc của nền giáo dục.



5 CÁCH KHUYẾN KHÍCH HỌC VIÊN CHỦ ĐỘNG TRONG CÁC CUỘC THẢO LUẬN TRỰC TUYẾN

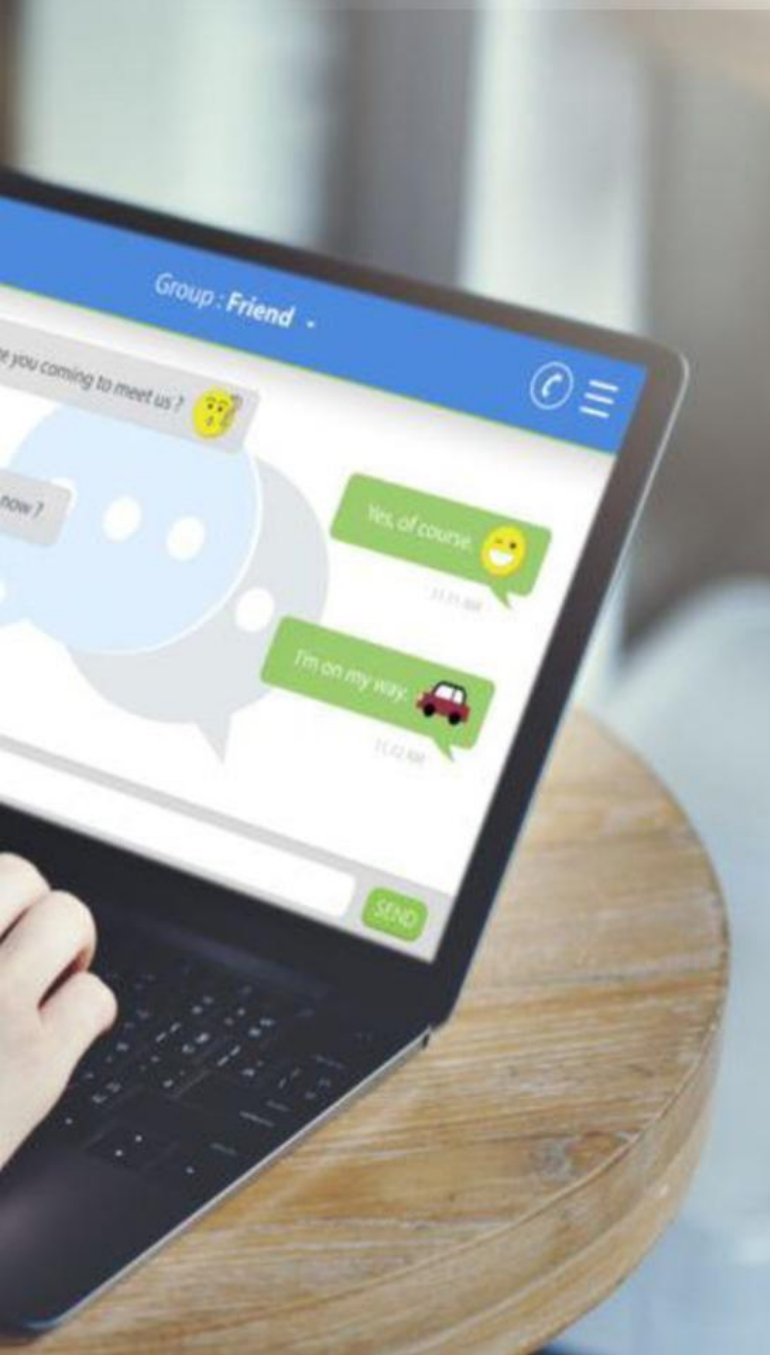
¹Cassandra Sardo và Justin York
Diệu Nguyễn dịch

khuyến cho mục đích của các cuộc thảo luận online trở nên không rõ ràng đối với học viên.

“Hãy khởi xướng một cuộc thảo luận và trả lời câu hỏi thảo luận của hai bạn khác trong lớp.” Đây là những yêu cầu thường thấy đối với học viên tham gia các lớp học trực tuyến. Thảo luận trong các khóa học online đóng vai trò thiết yếu trong việc tạo ra những trao đổi thực tế, nhằm duy trì tinh thần đó như khi gặp mặt trực tiếp. Tuy nhiên, yêu cầu này nghe có vẻ thật bận rộn,

Mục đích của yêu cầu này không xấu nhưng có vẻ khiến học viên cảm thấy kiệt quệ. “Những bài đăng khởi xướng” gây ra phản ứng ngược, chúng yêu cầu học viên phải đưa ra những bài viết hoàn thiện trước khi đưa cho các học viên khác nhận xét (Lieberman, 2019). Làm thế nào mà chúng ta biến các cuộc thảo luận trở nên sáng tạo và thú vị hơn? Có một giải pháp đó là sử dụng các cuộc thảo luận online như một cơ hội để khuyến khích sự chủ động và độc lập của học viên, khiến họ trở thành những thành viên

¹ Bài gốc: Five Ways to Promote Student Autonomy in Online Discussions <https://www.facultyfocus.com/articles/online-education/five-ways-to-promote-student-autonomy-in-online-discussions/>



Dưới đây là một vài câu hỏi gợi ý mà người dạy có thể tự đặt ra cho mình để hiểu rõ cách làm hơn:

- Liệu học viên có thoải mái hơn khi biết rằng chúng đã đạt được những yêu cầu đó (ví như đăng một bài hay trả lời 2 lần)?
- học viên có cảm thấy tự tin vào bản thân khi chúng đã đóng góp vào các cuộc thảo luận online một cách có ý nghĩa?
- Liệu học viên có thích các cuộc thảo luận được tổ chức với toàn bộ lớp học hay nên chia nhóm thảo luận?
- Tiêu chí nào mà người dạy nghĩ là cần thiết cho một bài thảo luận tiêu biểu?

Hãy thảo luận với học viên cách chúng sẽ tương tác với các tài liệu học tập, bạn học cũng như tiêu chuẩn nào chúng cần đạt được là cách rất hữu hiệu để khuyến khích sự tự chủ của học viên.

2. Đưa ra sự lựa chọn trong các gợi ý thảo luận học viên dường như sẽ theo đuổi công việc (và thấy ý nghĩa) khi chúng theo dõi các câu hỏi hấp dẫn chúng, hơn là những câu hỏi áp đặt lên chúng” (Darby & Lang, 2019, trg. 161). Một cách khác để khuyến khích sự chủ động của học viên là đưa cho chúng nhiều gợi ý cho cuộc thảo luận, và chỉ yêu cầu chúng lựa chọn một câu thảo luận. Theo cách này, học viên không cảm thấy áp lực để viết về những gì chúng không hứng thú, và chúng có thể lựa chọn những học liệu và ý tưởng thú vị nhất. Đưa ra nhiều gợi ý khác nhau cũng sẽ không biết cuộc thảo luận trở thành một không gian một chiều (tùy thuộc vào số lượng người học, có thể chỉ có một hướng cho một câu hỏi). Xa hơn nữa, người dạy có thể yêu cầu học viên đưa ra câu hỏi của riêng mình, sau đó lựa chọn một vài câu hỏi cho mỗi tuần. Giới thiệu cho học viên những câu hỏi có chủ đích để làm mẫu, đi kèm với hướng dẫn cụ thể.

3. Hãy để học viên lựa chọn cách trả lời
Hãy tránh xa các câu trả lời khuôn mẫu và cho

tích cực, chứ không chỉ đơn thuần là bị động trả lời các yêu cầu từ người dạy. Dưới đây là 5 cách khuyến khích sự chủ động của sinh viên trong thảo luận online:

1. Nhờ học viên xây dựng các quy định thảo luận online

Tóm tắt bài giảng nên làm nổi bật tầm quan trọng của các cuộc thảo luận trong khóa học online và các mục tiêu bài học tương ứng. Người dạy có thể nhờ học viên đánh giá (sử dụng công cụ bảng hỏi trong hệ thống quản trị học tập hoặc trong buổi học đầu tiên) và khuyến khích học viên góp ý kiến trong việc tổ chức/triển khai thảo luận như thế nào, cũng như sẽ có những yêu cầu gì.

phép sinh viên tham gia vào cuộc thảo luận bằng cách ghi âm giọng nói, quay video câu trả lời hay thậm chí là một phần thuyết trình đa phương tiện ngắn. Ví dụ, Canvas có một tính năng thú vị, đó là cho phép sinh viên ghi âm hoặc đăng tải hình ảnh, âm thanh... trong các cuộc thảo luận. Có những công cụ từ bên ngoài như VoiceThread cho phép người dùng tạo một cuộc trò chuyện đa phương tiện với công nghệ số. Cách tiếp cận này ưu tiên sự chủ động, và cho phép học viên thể hiện được điểm mạnh và tham gia thảo luận theo cách phù hợp với chúng nhất. Ngoài ra, các cuộc trò chuyện bằng video cũng chứng minh được mức độ tham gia cao hơn là những cuộc trò chuyện đơn giản với con chữ (Clark, Strudler & Grove, 2015).

4. Để học viên lựa chọn giữa thảo luận đồng thời và không đồng thời

Dù các thảo luận của lớp học không yêu cầu diễn ra đồng thời, người dạy hoàn toàn có thể đưa cho học viên hai sự chọn: trả lời câu hỏi trong các phiên thảo luận cùng lúc (thông qua các buổi họp trực tuyến, như trên Zoom hay Blackboard Collaborate) hoặc bất cứ khi nào. Đây là một cách làm tuyệt vời để đáp ứng nhu cầu của từng học viên. Có những người thích sự tự phát và bản chất tự nhiên của các cuộc thảo luận trực tiếp. Chúng ta cũng có thể quay/

ghi lại các buổi thảo luận và chia sẻ với các học viên còn lại để không ai bỏ lỡ các cơ hội học tập trong các thảo luận này.

5. Có nhiều phương án thảo luận trực tuyến

Hãy thảo luận với học viên về những phương pháp tương tác trực tuyến khác nhau. Ví dụ như liệu học viên có muốn cùng ghi chú thích trên công cụ Hypothesis, hay tạo một tệp Google Docs để chia sẻ cho nhau. Học viên cũng có thể yêu cầu bổ sung các khu vực thảo luận trên nền tảng quản lý học tập nơi chúng giao lưu về những bài viết hoặc đặt các câu hỏi một cách thoải mái, không có những ràng buộc về hình thức hay áp lực bị cho điểm.

Hãy cởi mở với những gì học viên đóng góp về việc các cuộc thảo luận nên được dẫn dắt ra sao. Điều này sẽ tăng cường tính chủ động của học viên và khuyến khích việc sử dụng các học liệu của khóa học cũng như tương tác với bạn học theo một cách thật ý nghĩa (hay chúng ta có thể nói: một cách chân thực?). Bằng cách đưa ra nhiều sự lựa chọn, chúng ta đang dần chuyển hướng từ những câu trả lời lặp đi lặp lại đến nhằm chán “Em đồng ý” sang những tương tác chủ động và có chủ đích hơn.



THẾ NÀO LÀ MỘT GIÁO VIÊN TỐT?

Thúy Tạ lược dịch từ The book of life¹

Chúng ta thường chẳng mấy quan tâm về việc một người giáo viên tốt thì như thế nào. Có lẽ hình ảnh người giáo viên chỉ xoay quanh việc người đó có một hứng thú với nghề gõ đầu trẻ, ăn vận đúng đắn, dung dị, được đứng trên bục giảng và dạy môn học nào đó ngày này qua tháng khác.

Tuy nhiên thì việc làm một nhà giáo lại không dừng ở những điểm như thế. Dạy học, nói một

cách đúng nghĩa nhất thì chẳng phải là sự qua lại của những ý tưởng trong thế giới tâm trí giữa người này với người khác hay sao. Nói vậy ta mới thấy, hóa ra đâu chỉ nghề giáo mới cần có giáo viên mà với nghề nào, chúng ta cũng cần truyền đạt thông tin một cách hiệu quả.

Bởi thế mà nhìn từ cuộc sống mới thấy, mỗi một người trong chúng ta đều đã là một giáo viên chẳng hề giới giang. Nhưng đừng cảm thấy xấu hổ vì điều này vì điều gì thì cũng phải được trau dồi và học hỏi. Hãy bắt đầu bằng cách hình dung ra chân dung một giáo viên tốt thì như nào.

1. Một giáo viên tốt không bao giờ dựa vào một cái cớ nào để đổ lỗi cho người khác vì chưa biết Điều này không hề dễ dàng vì nhiều giáo viên lại hiểu nhầm rằng người học đang cố tình không chịu khó tự nhìn nhận vấn đề mà trông chờ, dựa



dẫn đời sự hướng dẫn của giáo viên, mặc dù đã được hướng dẫn trước đó. Thực sự thì suy nghĩ này sẽ mở đầu cho một chuỗi những ngày học tập không hiệu quả của người học. Một người giáo viên tốt, trong trường hợp này, sẽ là một người đi tìm một hướng khác để giúp đỡ người học tiếp nhận kiến thức dễ dàng hơn. Dạy tốt sẽ bắt đầu bằng việc hiểu rõ sự thiếu hiểu biết không phải là khuyết điểm cá nhân của bất kỳ một người học nào mà nói một cách chính xác, người dạy cần xem lại cách truyền đạt của mình.

2. Một giáo viên tốt không bao giờ nổi giận

Yếu tố thứ hai này nhắc chúng ta đến một trạng thái mà chúng ta hay trải qua trong chính đời sống thường ngày: Chúng ta càng muốn chỉ cho ai đó biết một cái gì đó thì chúng ta càng dễ mất bình tĩnh, tâm trí xao động và tự nhiên những cảm xúc tiêu cực bộc phát và một cách dễ hiểu nhất, người được truyền đạt cảm nhận được phản ứng của chúng ta, trở nên sợ hãi và thế là chẳng đâu vào với đâu. Và khi dạy học, nổi cáu làm môi cho những lời nói gây sát thương cho học sinh mà giáo viên chẳng hề kịp gói lại trước khi nó rơi hết ra ngoài. Những lúc ấy học sinh còn học được gì nữa, chúng chỉ quan tâm mình nhận được bao nhiêu lời nói đau lòng mà giáo viên vừa đổ ra đó. Nhưng thực sự thì một giáo viên tốt, ngay từ đầu họ đã hiểu việc nắm bắt được kiến thức ngay và luôn không dễ dàng gì.

3. Một giáo viên tốt không phải giáo viên biết tất cả

Thật dễ tưởng tượng cảnh một giáo viên có thể bị “khớp” ngay tại chỗ nếu giáo viên không đủ kiến thức để giải quyết câu hỏi của học sinh ngay tại chỗ, nhất là nếu học sinh đó có tiếng là học tốt. Cảm giác ấy thật chẳng dễ chịu chút nào, nhất là khi giáo viên đó tự ái và quy kết rằng học sinh chắc hẳn nghĩ mình kém lắm. Tuy nhiên, đừng lo lắng, đó không phải là phẩm chất của một giáo viên tốt. Một giáo viên tốt họ dám

thừa nhận tầm hạn chế trong vốn liếng kiến thức của mình, và quan trọng hơn nữa, họ có thái độ và tư tưởng cởi mở tiếp nhận, bổ sung những kiến thức mà họ đang còn thiếu. Chính tư chất khiêm tốn và thiện chí này khiến cho khoảng cách giữa giáo viên và học sinh được nối lỏng. Và chính các em đang học hỏi một cách vô hình những đức tính tốt đẹp cần được dạy ấy. Hơn nữa, điều này cũng không hề làm giảm uy thế của người giáo viên trong mắt học sinh.

4. Một giáo viên tốt sẽ luôn biết lúc nào là thời điểm thích hợp

Một người giáo viên không được “tốt” sẽ luôn cố gắng giải quyết vấn đề ngay lúc nó xuất hiện. Nhưng thực sự thì điều này không tốt như họ vẫn tưởng bởi vì làm sao mà chúng ta còn có thể giải quyết được những thứ phức tạp và thậm chí là gây tranh cãi dù chúng rất hấp dẫn khi mà tâm trí của cả thầy và trò bắt đầu khó chịu và sắp rối như mớ bòng bong. Ở điểm này, một người giáo viên tốt sẽ biết kiềm chế sự hoang mang và kiên nhẫn chờ đợi thêm, có thể là tới dăm ba hôm nữa, và lựa chọn thời cơ thích hợp để xử lý những vấn đề đó. Giáo viên nên tự tin rằng không xáo xáo một vấn đề luôn và ngay sẽ cho phép họ khắc phục nó một cách chính xác.

5. Một giáo viên tốt, đương nhiên cũng là một học sinh tốt

Người giáo viên tốt hiểu và đánh giá cao tầm quan trọng của việc mình cần liên tục và trau dồi kiến thức. Ai cũng cần học, kể cả khi ta đã là thầy. Có một nhu cầu tự nhiên trong mỗi con người rằng ai cũng muốn chỉ cái này chỉ cái khác cho mọi người, nên đôi khi, ở vị trí người thầy, chúng ta dễ trở nên khó chịu vì kiểu như sao họ lại đi dạy một người đã làm thầy. Nhưng học tốt và dạy tốt cần đi đôi với nhau và học hỏi cần được coi là món quà quý giá mà người thầy nên trân trọng.





Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực

Vụ Giáo dục Trung học¹

Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học nào sẽ góp phần hình thành và phát triển năng lực người học? Đó là câu hỏi mà nhiều người muốn tìm hiểu, làm rõ. Nhưng cho đến nay, vấn đề này còn là mới và đang được thảo luận, còn chưa có những nghiên cứu sâu, đủ để có thể trả lời tường minh. Do đó, ở đây, qua tìm hiểu ban đầu, chúng tôi chỉ xin trình bày một số điểm chung

¹ Trích từ tài liệu: “Dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh”, Vụ Giáo dục Trung học, 2014.

nhất.

Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực người học (xin viết tắt là DHTNL) không chỉ chú trọng phát triển các năng lực chung, cốt lõi mà còn chú trọng phát triển cả năng lực chuyên biệt (môn học). Do đó, cần tăng cường gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực hành, ứng dụng trong thực tiễn. Tăng cường việc học tập theo nhóm, cộng tác, chia sẻ nhằm phát triển nhóm năng lực xã hội.

Theo quan điểm phát triển năng lực, việc ĐG kết quả học tập (KQHT) không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức đã học làm trung tâm, mà cần chú trọng đánh giá khả năng vận dụng một cách sáng tạo tri thức trong những tình huống ứng dụng khác nhau.

Vì thế, DHTNL bên cạnh những thuộc tính chung

về dạy học (như đã biết) còn có những đặc tính riêng như đề cập dưới đây.

Đặc tính cơ bản về dạy học theo hướng phát triển năng lực người học

Qua tham khảo việc xây dựng và triển khai CT GDPT của một số nước theo định hướng tiếp cận năng lực ta thấy có một số đặc tính cơ bản khi tiếp cận DHTNL, đó là:

- Dạy học lấy việc học của HS làm trung tâm,
- Dạy học đáp ứng các đòi hỏi của thực tiễn, hướng nghiệp và phát triển
- Linh hoạt và năng động trong việc tiếp cận và hình thành năng lực
- Những năng lực cần hình thành ở người học được xác định một cách rõ ràng. Chúng được xem là tiêu chuẩn đánh giá kết quả giáo dục.

Qua đó, ta thấy DHTNL tăng cường các hoạt động; tăng cường tính thực tế, tính mục đích; gắn hơn nữa với đời sống hiện thực, hỗ trợ học tập suốt đời; hỗ trợ việc phát huy thể mạnh cá nhân; quan tâm hơn đến những gì HS được học và học được.

Ưu điểm của DHTNL

Những đặc tính cơ bản nêu trên dẫn tới những ưu điểm của DHTNL là

- DHTNL cho phép cá nhân hoá việc học: trên cơ sở mô hình năng lực, người học sẽ bổ sung những thiếu hụt của cá nhân để thực hiện những nhiệm vụ cụ thể của mình.
- DHTNL chú trọng vào kết quả đầu ra.
- DHTNL tạo ra những cách thức riêng, linh

hoạt, phù hợp với đặc điểm và hoàn cảnh của cá nhân nhằm đạt tới những kết quả đầu ra.

- Hơn nữa, DHTNL còn tạo khả năng cho việc xác định một cách rõ ràng những gì cần đạt và những tiêu chuẩn cho việc đo lường kết quả.

Do những đặc tính và:ưu điểm của tiếp cận dựa trên năng lực mà những *tiêu chuẩn năng lực* được xác định và sử dụng như công cụ cho việc phát triển CT GDPT ở nhiều nước trên thế giới.

Phương pháp dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực người học

Theo tiếp cận phát triển năng lực người học thì PPDH không chỉ chú ý tới mặt tích cực hoá hoạt động học tập của HS mà còn chú ý rèn luyện năng lực GQVĐ gắn với những tình huống thực, với hoạt động thực hành, thực tiễn. Tăng cường hoạt động nhóm, đổi mới quan hệ GV-HS theo hướng cộng tác, nhằm phát triển *năng lực cá nhân, năng lực xã hội*,... Bên cạnh việc học tập những kiến thức, kĩ năng riêng lẻ thuộc các môn học cần bổ sung các chủ đề học tập theo hướng tích hợp.

Để CT GDPT theo định hướng tiếp cận năng lực có thể triển khai tốt trong thực tiễn rất cần có những nghiên cứu về PPDH, nhằm phát triển năng lực người học. Để GQVĐ này ta cần tập trung chủ yếu vào các yếu tố như:

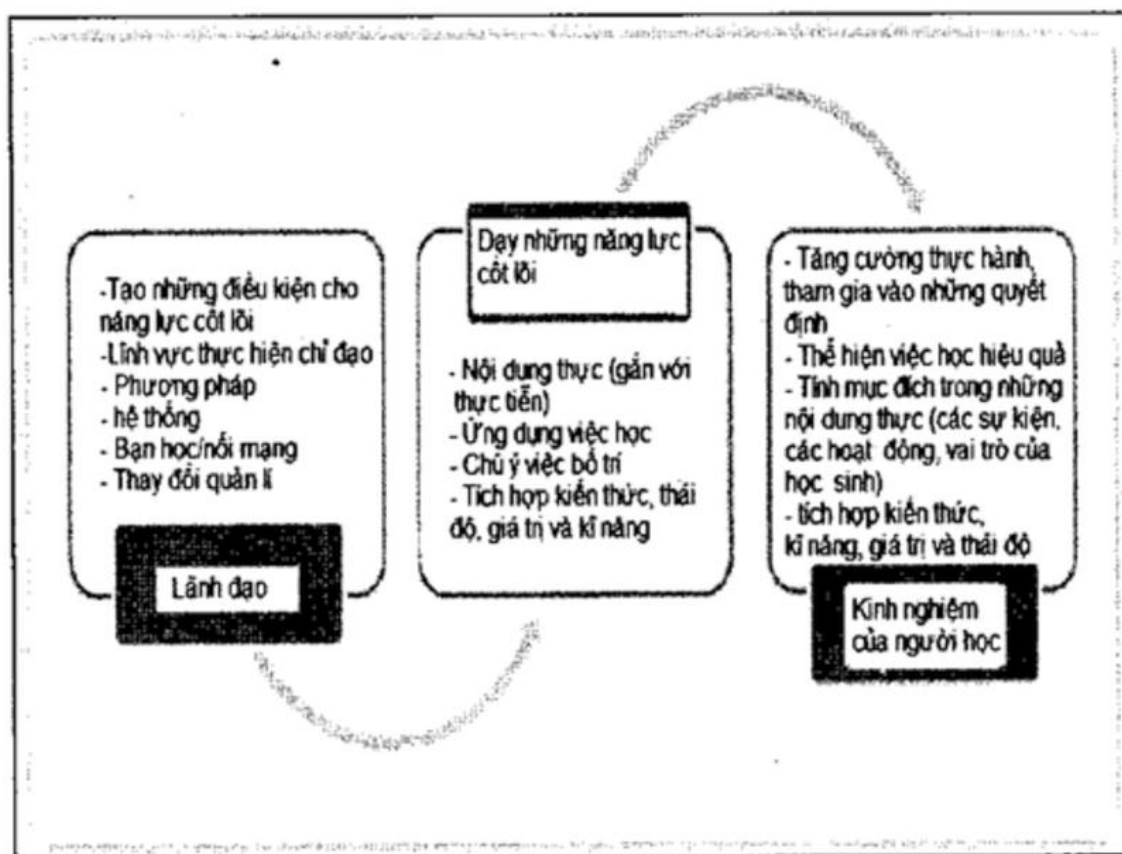
- GV tổ chức hoạt động nhằm thúc đẩy việc học tập tích cực, chủ động của HS
- Tạo một môi trường hỗ trợ học tập (gắn với bối cảnh thực)
- Khuyến khích HS phản ánh tư tưởng và hành động, khuyến khích giao tiếp
- Tăng cường trách nhiệm học tập

- Tạo điều kiện thuận lợi cho học tập, chia sẻ, trao đổi, tranh luận,...
- Kết nối để học tập
- Cung cấp đầy đủ cơ hội để HS tìm tòi, khám phá, sáng tạo
- Giảng dạy như quá trình tìm tòi

Trong bất kì hoàn cảnh nào, với sự hỗ trợ gì thì PPDH hiệu quả đòi hỏi GV hiểu tác động của việc giảng dạy tới HS của mình. Mỗi quan hệ GV-HS trong dạy học phải được quán triệt như là một quá trình, theo chu kì, diễn ra ngày qua ngày. Trong quá trình này (như hình bên), GV cần biết:

- Điều gì là quan trọng cho HS của mình (và do đó đầu tư thời gian một cách thích đáng).
- Chiến lược nào (hay bằng cách gì) có nhiều khả năng để giúp HS của mình học?
- Kết quả học tập ra sao và tác động tới giảng dạy trong tương lai thế nào?

Hoạt động	- HS được học và ứng dụng kiến thức một cách có ý nghĩa - HS được kiến tạo kiến thức thông qua việc tham gia vào việc học (chứ không chỉ tái hiện, lặp lại, sao chép, đờn một cách thụ động...)
Tính thực tế/ tính mục đích	- HS tương tác với người khác thông qua bối cảnh thực, nội dung thực - Các kết nối giữa các lĩnh vực học tập được thực hiện (mà không chỉ dừng ở bối cảnh lớp học, chỉ liên quan đến kiến thức thuần túy)
Những liên quan	- Việc học có liên quan đến đời sống hiện tại của HS và đó cũng là một cách hỗ trợ tích cực cho việc học suốt đời (mà không phải chỉ liên quan đến những nội dung đơn lẻ, tồn tại từ trước đó)
Phát triển	- Quan tâm đến khuynh hướng phát triển, mong muốn, thiên hướng của HS và tin rằng chúng sẽ học được (mà không chỉ tập trung vào việc tuyệt đối tin tưởng vào GV, làm theo những gì GV cho phép hay bắt buộc,...)





LÃNH ĐẠO TRƯỜNG HỌC HIỆU QUẢ: P1 - HIỂU BIẾT VỀ TỔ CHỨC

¹Elizabeth Brooke | Nhật Hoa lược dịch

Trong thời kì mà trường học phải đạt được những tiêu chuẩn cao nhất thì khả năng lãnh đạo tốt là một điều tối quan trọng cho thành công của trường. Có một vài yếu tố quan trọng được ghi chép lại từ những trường mà đã cho thấy những thành công, kể cả khi phải đối mặt với những học sinh khó quản (challenging students). Những yếu tố này có thể được ứng dụng tương tự để tạo ra một môi trường học cởi mở và hỗ trợ, và nơi mà sự lạnh đơ tốt không khi nằm ở hiệu trưởng mà còn dựa trên những tầm nhìn mà các nhà giáo cùng chia sẻ.

Nhiều nghiên cứu đã tập trung tìm hiểu về chủ đề này và rút ra ngắn gọn 4 yếu tố chính bao gồm: Hiểu biết về tổ chức; Sử dụng dữ liệu; Kỹ năng hoạch định công việc; Niềm tin tích cực & Kỳ vọng cao.

1 Four Key Factors of Effective School Leadership: <https://www.lexialearning.com/resources/white-papers/four-key-factors-effective-school-leadership>

Trước tiên trong bài viết này chúng ta sẽ tìm hiểu về yếu tố đầu tiên:

Lãnh đạo hiệu quả luôn bắt đầu từ kiến thức tường tận về môi trường trung gian như: nhu cầu cá nhân của học sinh, điểm mạnh và yếu của mỗi cán bộ nhà trường, những khía cạnh của chương trình hướng dẫn, số liệu về học sinh và lịch trình. Chính qua những thông tin mà lãnh đạo trường có thể lồng ghép các thông số với nhau, gây dựng nên nền tảng vững chắc cho việc lãnh đạo hiệu quả trong trường.

Những nhà nghiên cứu tìm hiểu những tố chất của một nhà lãnh đạo giáo dục hiệu quả thường bắt đầu với kiến thức của nhà lãnh đạo đó về học sinh trong trường họ. Bằng cách phát triển một sự hiểu biết và kiến thức về học sinh dựa trên cơ sở dữ liệu, hiệu trưởng và những lãnh đạo khác của trường có thể dùng nó để đưa ra những quyết định liên quan đến:

- Phân chia nguồn lực: Chúng ta có đủ giáo viên và thời gian để đáp ứng nhu cầu của học sinh

có nguy cơ?

- Lên lịch trình: Tôi có giàn xếp tuần đọc theo cách mà giáo viên của tôi và những người phụ tá có đủ thời gian để đưa ra những hướng dẫn và can thiệp khi học sinh cần?

- Phát triển chuyên môn: Có những lỗ hổng nào trong kĩ năng của học sinh mà phản ánh những lỗ hổng trong khả năng dẫn dắt của giáo viên mà cần thêm phát triển về chuyên môn không?

- Tài trợ và nguồn thu: Những tính chất của nhóm học sinh của tôi ảnh hưởng đến nguồn tài trợ hay cách mà tôi có thể phân chia chi phí ra sao?

Lãnh đạo hiệu quả cần có một nền tảng kiến thức chắc chắn về nhiều loại công cụ hướng dẫn khác nhau mà có thể đáp ứng được nhu cầu của học sinh. Việc này thường bao gồm một hướng tiếp cận theo nhóm đến việc nghiên cứu và tìm tòi những chương trình đã được thực chứng để giải quyết những nhu cầu đặc biệt.

Bởi khối lượng những chương trình hiện có, nhiều lãnh đạo trường học thường dựa một phần vào đội ngũ dẫn dắt để có thể liên tục tìm tòi và chia sẻ kiến thức về những công cụ và phương thức mới. Những nguồn thông tin như What Works Clearinghouse và Trung tâm Quốc gia về Phản hồi với Biện pháp can thiệp (National Center on Response to Intervention) để đưa ra một danh sách những chương trình chọn lọc; mà một số trong những chương trình này đã có những nghiên cứu hiệu quả rộng rãi.

Một khi chương trình hướng dẫn đã được chọn, việc quan trọng một lãnh đạo trường học cần là hiểu biết sau về chương trình đó để bảo đảm sự tiếp nhận và thực hành đúng cách, đồng thời chắc chắn được việc các giáo viên sẽ dành thời gian cho việc đào tạo sử dụng chương trình cùng với các nguồn lực sẵn sàng để hỗ trợ họ.





Joseph Lathan¹ | Thuý Tạ, Yến Chi lược dịch

MỘT NHÀ LÃNH ĐẠO TRƯỜNG HỌC HIỆU QUẢ XÂY GÌ VÀ DỰNG GÌ?

Làm lãnh đạo vốn chưa bao giờ dễ. Lãnh đạo trường học lại càng không. Xây không khéo, dựng không nên là kéo đổ cả một thể hệ với những hệ lụy chẳng thể hình dung nổi. Chúng ta không thể tìm ra một giải pháp vẹn toàn nào để có thể tự mình thành một nhà lãnh đạo trường học hiệu quả ngoài việc biết rõ cái gì cần làm thì phải làm cho bằng được, cái gì đúng thì phải làm bằng đúng. Vậy thì, chúng ta sẽ xây gì và dựng gì cho được và cho đúng?

1. Xây dựng mối quan hệ bền chặt

Chúng ta cần rõ ràng ngay từ đầu về từ “bền chặt” ở đây. Bền chặt là sự phối hợp tích cực và minh bạch giữa ba bên: hiệu trưởng với giáo viên, hiệu trưởng với phụ huynh học sinh và hiệu trưởng với học sinh. Chỉ cần một trong ba mối quan hệ này bền chặt không đúng nghĩa của nó, tự thân nó sẽ hủy đi tính hiệu quả trong cả một hệ thống quản lý trường học. Giáo viên không thể yên tâm cống hiến trên giảng đường. Học sinh sẽ xây dựng một cộng đồng dăm dúi



¹ 10 Traits of Successful School Leaders: <https://online-degrees.sandiego.edu/effective-educational-leadership/>

lên án những bất công trong chính sách của nhà trường. Phụ huynh khó mà không bán tính bán nghi cách làm ăn của cả một hệ thống. Chính vì vậy, chúng ta càng tạo dựng được sự tin tưởng thật chất, mối quan hệ càng bền chặt một cách hiệu quả.

2. Xây dựng văn hóa sử dụng dữ liệu thực chứng
Một lãnh đạo trường học hiệu quả phải là người tiên phong và đi đầu trong việc khởi tạo văn hóa sử dụng dữ liệu làm tiền đề cho việc đưa ra các quyết định. Nói một cách dễ hiểu, nếu như ngay cả người đứng đầu trường học quá vội vàng đưa ra phán xét hay quyết định chỉ dựa vào kinh nghiệm cá nhân với cái nhìn nhận hời hợt thì rất khó để tạo ra một môi trường làm việc có những cá nhân chịu khó bỏ thời gian ra để kiểm chứng và bàn luận vấn đề.

3. Xây dựng một nền tảng nhân lực vững chắc
Có quá nhiều lý do để chúng ta bắt buộc bản thân mình phải có một con mắt tinh tường để chọn ra những giáo viên quý giá khi đã là một lãnh đạo trường học. Chúng ta không thể trao quyền cho giáo viên nếu như chính trong thâm tâm chúng ta không cảm nhận được sức mạnh từ chính họ. Việc có được những cá nhân vàng cũng giúp chúng ta bớt đi khoảng thời gian khổng lồ để cải thiện chất lượng giáo viên và làm hàng tỉ tỉ thứ hay ho để cùng nhau phát triển trường học. Lúc đó, chính chúng ta mới có thể cải thiện được chính kỹ năng làm lãnh đạo của mình bởi: Thực chất một lãnh đạo trường học hiệu quả đơn giản chỉ là sự cộng dồn và tích lũy những sự hiệu quả khác của chính những người giáo viên trên bến dưới thuyền, cùng chung chí hướng, tích cực, chủ động, chân thật và nỗ lực vì một cộng đồng trường học.

4. Tầm nhìn và kế hoạch

Những nhà lãnh đạo giỏi nhất là những người có tầm nhìn. Họ có một mục tiêu vững chắc để có thể gây dựng một nhóm các thành viên giỏi

và có một kế hoạch để đạt được mục tiêu đó. Không những vậy, họ thấy rõ ràng được mục tiêu và tầm nhìn mà trường mình hướng tới.

4. Xây dựng tầm nhìn có lẽ là một trong những phẩm chất quan trọng nhất của một nhà lãnh đạo bởi nó cung cấp động lực và định hướng cho mọi hành động, không chỉ cho người lãnh đạo mà cho từng thành viên trong trường học. Tất nhiên, để các nhà lãnh đạo thành công trong việc theo đuổi tầm nhìn và thực hiện kế hoạch của mình, họ phải kết hợp tầm nhìn của họ với niềm đam mê không ngừng. Tầm nhìn và niềm đam mê từ một nhà lãnh đạo sẽ tạo ra cảm hứng, động lực, hứng thú lan tỏa khắp trường học, từ đó mọi việc sẽ được hoạt động trơn tru và hiệu quả hơn.

5. Môi trường học tập hợp tác và hòa nhập

Một môi trường giáo dục hòa nhập có thể cung cấp cho mọi học sinh khả năng lựa chọn con đường học tập linh hoạt và hiệu quả để đạt được mục tiêu học tập tại chính nơi mà các em cảm thấy thật thoải mái và thân thuộc. Những nhà giáo dục tốt nhất hiểu điều này và sẽ ưu tiên tạo ra một môi trường hòa nhập, an toàn để nuôi dưỡng tất cả học sinh. Họ cũng tin rằng mỗi người đều có thể đóng góp để tạo nên cộng đồng học tập lớn mạnh và hiệu quả hơn, và do đó họ khuyến khích sự hợp tác giữa giáo viên cũng như học sinh trong nhà trường.

6. Niềm đam mê trong công việc

Đam mê là một thành phần quan trọng cho hầu hết bất cứ ai muốn thành công và hạnh phúc với công việc của họ. Nhưng niềm đam mê đặc biệt quan trọng đối với các nhà lãnh đạo trường học, những người thường có ảnh hưởng lớn đến không khí và văn hóa trường học.

Những người đam mê với công việc thường có một năng lượng có sức lan tỏa và ảnh hưởng lớn đến sự hài lòng, động cơ làm việc của giáo

viên cũng như kết quả học tập của học sinh. Báo Forbes đã từng viết “Tất cả các kiến thức trên thế giới đều không thể tạo nên một nhà lãnh đạo giỏi. Chính sự quan tâm đến công việc và những người cộng tác với bạn mới tạo nên sự khác biệt.”. Điều này thực sự rất quan trọng bởi mọi người đều muốn đi theo một nhà lãnh đạo nhiệt huyết, một người quan tâm đến không chỉ động cơ làm việc của bản thân mà cả của những người xung quanh đang nỗ lực cùng mình. Sự đam mê và nhiệt tình dành cho các dự án, cho trường học và cho những người liên quan là chìa khóa để tạo nên nhà lãnh đạo thành công.

7. Khuyến khích sự mạo hiểm

Hầu hết những nhà lãnh đạo giáo dục đều biết “thất bại là mẹ thành công”, hay nói cách khác, thất bại có thể là một người thầy vĩ đại. Giống như việc giáo viên khuyến khích học sinh của mình mạo hiểm, chấp nhận rủi ro để có thể học hỏi và phát triển, các nhà lãnh đạo cũng khuyến khích nhân viên của mình mạo hiểm trong một vài tình huống. Họ tạo ra môi trường đầy khích lệ, chào đón không chỉ những ý tưởng mang đến thành công mà còn cả những nỗ lực, bất kể kết quả có ra sao. Người lãnh đạo cần tạo ra một văn hóa trường học nơi có những người biết chấp nhận rủi ro, học hỏi từ thất bại và nhân viên có thể học hỏi từ những sai lầm của người khác.

8. Làm một tấm gương mẫu mực

Như triết gia Albert Schweitzer đã nói “Làm gương không phải là điều chủ yếu gây ảnh hưởng đến mọi người, mà nó chính là điều duy nhất ảnh hưởng đến mọi người”. Bởi hành động thường thể hiện rõ ràng hơn rất nhiều so với lời nói, những người lãnh đạo giỏi thường lãnh đạo bằng cách làm gương cho những học sinh trong trường mình, cho đồng nghiệp, nhân viên và cả phụ huynh. Những người lãnh đạo như vậy luôn nhận được sự tôn trọng và ngưỡng mộ, điều rất cần thiết để có thể lãnh đạo thành công.

9. Kiên trì - Gắn bó với trường ít nhất 5 năm

Thay đổi là tốt, tuy nhiên trong trường hợp của lãnh đạo nhà trường thì nó sẽ gây nhiều gián đoạn và hậu quả khi xảy ra quá thường xuyên. Nghiên cứu cho thấy việc thay đổi hiệu trưởng hay lãnh đạo nhà trường thường xuyên dẫn đến môi trường học tập tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến kết quả học tập của học sinh, đặc biệt ở những nơi học sinh dựa vào việc học để thành công sau này. Ngược lại, việc hiệu trưởng gắn bó lâu dài với trường đem tới sự phát triển và thành tích trong học tập. Điều này khá dễ hiểu bởi các nhà lãnh đạo cần thời gian để cải thiện trường học, tầm nhìn cũng không thể xảy ra trong một đêm, sự thay đổi cần có thời gian để tạo kết quả. Vì vậy, những nhà lãnh đạo giỏi nhất sẽ sẵn sàng cam kết và gắn bó với trường ít nhất 5 năm bất chấp những trở ngại hoặc thách thức, điều đó thể hiện niềm đam mê và sự cống hiến, đều có tác động rất tích cực đến văn hóa trong trường của học sinh.

10. Học tập suốt đời

Có lẽ phẩm chất quan trọng nhất của một nhà lãnh đạo trường học có thể sở hữu đó là luôn khao khát kiến thức. Những người lãnh đạo giỏi nhất, dù ở ngành nghề nào, cũng đều biết rằng họ sẽ không bao giờ biết tất cả. Họ khiêm tốn về kiến thức nhưng vẫn tự tin vào khả năng của mình. Họ luôn tò mò với những câu hỏi và luôn muốn học hỏi. Tuy nhiên, không phải ai khi đã nắm nhiều quyền lực và trách nhiệm cũng biết cách thúc đẩy bản thân phát triển tiếp bằng việc thách thức trí tuệ của mình. Nhưng hãy nhớ, những gì bạn học được sau khi bạn đã biết tất cả rồi mới thực sự là những điều quan trọng.



6 CON ĐƯỜNG ĐỂ LÃNH ĐẠO NHÀ TRƯỜNG TỐT HƠN

Maurice J. Elias¹ | Kiến Minh lược dịch

Các nhà lãnh đạo trong lĩnh vực giáo dục có thể thực hiện sáu nhiệm vụ chính này nhằm tạo ra sự khác biệt trong cuộc sống của học sinh và cải thiện môi trường học tập.

Ngày nay, năng lực lãnh đạo trong giáo dục đang trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Nhu cầu về giảng dạy đang tăng lên nhanh chóng, và áp lực trách nhiệm cũng tỷ lệ thuận với những nhu cầu ấy. Những lĩnh vực bị bỏ quên trước đây là năng lực cảm xúc - xã hội và năng lực công dân đang dần trở thành những đòi hỏi thiết yếu. Đối với các nhà lãnh đạo đã biết rõ hướng đi của mình, dưới đây là sáu nhiệm vụ quan trọng mà họ cần nhận lãnh.

Dựa trên sự kết hợp các cuộc phỏng vấn với
1 6 Paths to Better Leadership: <https://www.edutopia.org/blog/educators-improving-school-leadership-maurice-elias>

các nhà lãnh đạo giáo dục của Mark Goldberg, và các quan sát của David Gergen sau khi phục vụ tại Nhà Trắng dưới thời của một vài tổng thống từ cả hai chính đảng (Eyewitness to Power, 2000), dưới đây là sáu nhiệm vụ:

1. NIỀM TIN VÀ TẦM NHÌN

Các nhà lãnh đạo cần phải có một niềm tin cốt lõi. Niềm tin cốt lõi đó phải có thể truyền tải được một cách rõ ràng, súc tích, và đầy nhiệt huyết. Điều này được gọi là niềm tin nền tảng (Goldberg) và một tầm nhìn thuyết phục (Gergen).

2. BẮT ĐẦU MỘT CÁCH MẠNH MẼ VÀ ĐƠN GIẢN

Các nhà lãnh đạo phải khởi đầu một cách nhanh chóng và chắc chắn. Điều này là đặc biệt đúng đối với những ai mới quen với vai trò lãnh đạo: Các nhà lãnh đạo phải truyền cảm hứng cho sự tự tin. Thay vì nhận lấy những vấn đề thách thức

nhất, tốt hơn hết là bắt đầu với một thách thức, nhỏ, có tiềm năng giải quyết được. Điều này sẽ đem lại cho bất cứ ai một cơ hội để quan sát cách mà nhà lãnh đạo làm việc, và đồng thời cũng cho những ai có liên hệ trực tiếp một cơ hội để trải nghiệm phong cách lãnh đạo mới. Khi những nỗ lực này bắt đầu loạng choạng, nhà quản lý sẽ học được nhiều điều từ việc xử lý các thất bại.

3. THUYẾT PHỤC VÀ TRUYỀN CẢM HỨNG

Các nhà lãnh đạo phải có các kỹ năng để thuyết phục và truyền cảm hứng. Họ cần phải có khả năng đưa ra một tầm nhìn thực tế và rõ ràng về cách thức mà tổ chức sẽ vận hành trong tương lai, và giúp đỡ những người khác nắm bắt được tầm nhìn đó cùng với sự nhất quán của nó đối với những mối bận tâm, mục tiêu, và niềm tin cốt lõi của họ. Họ cần phải truyền đạt và mô hình hóa niềm tin mãnh liệt của họ để có thể truyền cảm hứng cho người khác làm việc một cách bền bỉ cho dù họ không “theo dõi”. Những người với các vai trò lãnh đạo hay trách nhiệm khác trong tổ chức cũng cần phải nắm bắt và biểu lộ được tầm nhìn đó.

4. LÃNH ĐẠO CÓ ĐẠO ĐỨC

Các nhà lãnh đạo phải có la bàn đạo đức mạnh mẽ. Để đi theo bất cứ một lãnh đạo nào, những người khác cần phải được thuyết phục rằng người lãnh đạo đó đang cống hiến cho sự công bằng, bình đẳng, lên tiếng và khắc phục những hạn chế. Công bằng mà nói không phải ai cũng có thể nhận ra được những điểm này ở các nhà lãnh đạo, nhưng những nhân viên cốt lõi chắc chắn phải thấy điều này.

5. THỂ HIỆN LÒNG CAN ĐẢM VÀ SỰ THỎA HIỆP

Các nhà lãnh đạo cần phải có can đảm để bơi ngược dòng. Bởi vì sự lãnh đạo suy cho cùng là một sự cam kết mang tính đạo đức, các nhà lãnh đạo phải chuẩn bị tinh thần đối mặt với các

nguy cơ, các khuynh hướng cản trở; thể hiện sự can đảm, kiên định; hỗ trợ những người khác; và có một cảm thức về sự thỏa hiệp. (Trong một môi trường sư phạm, có những phẩm chất mà suy cho cùng các giáo viên muốn truyền tải cho học sinh của họ. Do đó việc thực hành giáo dục của họ không phải là sự phục tùng một cách thụ động).

6. TỐI ƯU HÓA BẤT CỨ TÌNH HUỐNG NÀO

Các nhà lãnh đạo phải trở nên xuất sắc trong việc làm chủ tình huống và trí tuệ xúc cảm. Theo Goldberg (Tháng 6 2001, Phi Delta Kappan, tr. 760), “Tôi không tin rằng bất cứ ai trong số những người mà tôi đã phỏng vấn có thể tráo đổi các vị trí và vẫn thành công.” Suy cho cùng, các nhà lãnh đạo cần phải có các kỹ năng trí tuệ xúc cảm để tối ưu hóa các tình huống trong đó họ tìm thấy bản thân mình và những nguồn lực trong tay, và truyền cảm hứng cho những người khác nỗ lực tối đa. Thậm chí hơn cả việc đào tạo kỹ thuật, nhà lãnh đạo cần phải giúp các thành viên trong tổ chức và những người có liên quan hiểu biết một cách sâu sắc nhiệm vụ và tầm nhìn và cam kết hợp tác trong việc nỗ lực theo đuổi những hiểu biết chung đó. Những gì mà người lãnh đạo có thể thực hiện bị hạn chế một cách trực tiếp, đặc biệt là trong những bối cảnh giáo dục lớn và phức tạp. Do đó, lãnh đạo phi tập trung là điều cần thiết cho sự bền vững.

Một người không cần phải là hiệu trưởng, tổng giám đốc, hay chủ tịch hội đồng trường mới có thể là một người lãnh đạo giáo dục. Các nhà lãnh đạo là những người sẽ bước lên để giúp cho tổ chức thành công. Họ có một trách nhiệm lớn hơn đối với việc theo đuổi một bức tranh lớn. Hãy xem xét những lĩnh vực mà sự tham gia của bạn vào đó sẽ giúp cho trường của bạn hay nơi ở của bạn trở nên tốt hơn. Hãy để cho năm nay trở thành năm lãnh đạo cá nhân của riêng bạn.

SỰ THỰC VỀ “CÁC PHONG CÁCH HỌC TẬP”



¹Olga Khazan | Linh Chi lược dịch

Đầu những năm 90, một người đàn ông New Zealand tên là Neil Fleming đã quyết định² phân loại một thứ mà vốn luôn làm ông bối rối trong việc kiểm soát các lớp học với tư cách là một thanh tra trường học. Trong quá trình quan sát khoảng 9000 lớp học khác nhau, ông nhận thấy rằng chỉ có một số giáo viên có thể tiếp cận được từng học sinh một trong quá trình dạy học. Họ đã làm gì khác?

Fleming trả lời câu hỏi đó bằng cách tập trung vào cách thức trình bày thông tin mà mọi người ưa thích khi thông tin đó được truyền tải tới họ. Ví dụ, khi hỏi đường, bạn thích được chỉ bằng lời hay được phác họa cho một bản đồ trực giác?

Ngày nay, 16 câu hỏi kiểu như vậy được tổng hợp thành *Bảng hỏi VARK*³ (VARK questionnaire) do Fleming phát triển để xác định “phong cách học tập” của mỗi người. VARK, biểu trưng cho Visual (Thị giác), Auditory (Thính giác), Reading (Đọc) và Kinesthetic (Vận động), phân loại học sinh thành các nhóm: học tập tốt nhất thông qua hình ảnh, thông qua âm thanh, thông qua việc đọc, hoặc thông qua các trải nghiệm vận động. Fleming không phải là người duy nhất từng đề xuất rằng con người có các phong cách học tập khác nhau, nhưng mô hình VARK của ông là mô hình nổi bật nhất trong các lý thuyết về vấn đề này.

Các chuyên gia không rõ rằng mô hình này đã lan toả ra sao, nhưng có vẻ như nó có liên quan tới các phong trào về thúc đẩy sự chú ý vào lòng tự trọng (self-esteem) cuối những năm 80, đầu những năm 90. Mọi người đều đặc biệt - tức là mọi người cũng có phong cách học tập riêng

biệt. “Các giáo viên muốn nghĩ rằng họ có thể tiếp cận được mọi học sinh, kể cả những học sinh có khó khăn học tập, bằng cách thiết kế các kiến thức sao cho khớp được với từng phong cách học tập của từng học sinh,” Abby Knoll, nghiên cứu sinh hiện đang nghiên cứu về phong cách học tập tại Đại học Central Michigan, nhận định. Về phía học sinh, chúng cũng thích đổ lỗi cho các thất bại học tập của mình lên sự thất bại của giáo viên trong việc điều chỉnh phong cách dạy học sao cho phù hợp với chúng. “Cho tới khi học sinh lên tới bậc đại học, chúng đã có thể tiếp nhận những nhận định như chúng là người học kiểu thị giác, hoặc thính giác, tương tự vậy.” Polly Husmann, giáo sư Đại học Indiana chia sẻ.

Vấn đề là điều đó không hề đúng. Hoặc ít nhất là có nhiều bằng chứng gợi ý rằng cá nhân không thực sự thuộc về hoàn toàn một kiểu học tập nhất định. Trong một nghiên cứu⁴ được công bố vào năm 2018 trên tạp chí *Anatomical Sciences Education*, Husmann và các đồng nghiệp đã cho hàng trăm học sinh thực hiện bảng hỏi VARK để xác định xem chúng thuộc kiểu người học nào. Khảo sát cũng đưa ra một số chiến lược học tập mà có vẻ như khớp với các loại phong cách học tập. Husmann nhận thấy rằng, không những học sinh không hề học theo những cách thức phản ánh phong cách học tập của chúng, các học sinh có cho thấy sự tương ứng giữa phong cách học tập và chiến lược học tập không hề có kết quả học tập tốt hơn.

Một nghiên cứu khác được công bố vào năm 2017⁵ trên tạp chí *British Journal of Psychology* nhận thấy rằng những học sinh thích học tập

1 <https://www.theatlantic.com/science/archive/2018/04/the-myth-of-learning-styles/557687/>

2 <http://www.vark-learn.com/wp-content/uploads/2014/08/Educational-Developments.pdf>

3 <https://vark-learn.com/the-vark-questionnaire/>

4 Husmann, P. R., & O'Loughlin, V. D. (2019). Another nail in the coffin for learning styles? Disparities among undergraduate anatomy students' study strategies, class performance, and reported VARK learning styles. *Anatomical sciences education*, 12(1), 6-19.

5 Knoll, A. R., Otani, H., Skeel, R. L., & Van Horn, K. R. (2017). Learning style, judgements of learning, and learning of verbal and visual information. *British Journal of Psychology*, 108(3), 544-563.

qua hình ảnh sẽ nghĩ rằng chúng ghi nhớ hình ảnh tốt hơn, và những học sinh thích học thông qua lời nói sẽ nghĩ rằng chúng ghi nhớ văn bản viết tốt hơn. Nhưng xu hướng học tập ưa thích lại không hề có mối liên hệ gì với việc chúng nhớ văn bản hay hình ảnh tốt hơn. Về bản chất, trong trường hợp này, tất cả các “phong cách học tập” chỉ giúp chỉ ra rằng chúng thích văn bản hay hình vẽ hơn, chứ không phải là văn bản hay hình ảnh sẽ hoạt động tốt hơn trong quá trình ghi nhớ của chúng.

Nói cách khác, “có các bằng chứng cho thấy mọi người có cố gắng thiết kế các tác vụ sao cho tương ứng với cái mà họ tin rằng là phong cách học tập của họ, nhưng việc này dường như không giúp gì.” Daniel Willingham, một nhà tâm lý học ở Đại học Virginia chia sẻ. Năm 2015, ông có làm một nghiên cứu⁶ xem xét các công trình về phong cách học tập và đưa ra kết luận rằng “các lý thuyết về phong cách học tập không hề có hiệu quả.”

Cùng năm đó, một nghiên cứu⁷ được công bố trên tạp chí *Journal of Educational Psychology* đã nhận thấy không có mối liên hệ nào giữa phong cách học tập ưa thích của khách thể (thị giác hoặc thính giác) với kết quả của họ ở các bài kiểm tra đọc hoặc nghe. Thay vào đó, người học theo kiểu thị giác làm tốt hơn ở mọi loại tác vụ. Từ đó, các tác giả nghiên cứu đã đưa ra kết luận rằng, các giáo viên nên dừng việc cố gắng khớp một số bài học hướng tới “những người học kiểu thính giác.” “Các nhà giáo dục có khi đã làm hại tới những người học kiểu thính giác khi cố gắng điều chỉnh bài học với phong cách học tập đó, thay vì tập trung vào nâng cao các kỹ năng học qua hình ảnh của họ.”

6 Willingham, D. T., Hughes, E. M., & Dobolyi, D. G. (2015). The scientific status of learning styles theories. *Teaching of Psychology*, 42(3), 266-271.

7 Rogowsky, B. A., Calhoun, B. M., & Tallal, P. (2015). Matching learning style to instructional method: Effects on comprehension. *Journal of educational psychology*, 107(1), 64.

Đương nhiên là mọi người không hề giỏi ngang bằng ở mọi loại kỹ năng. Nhưng để nói chính xác, phải là mọi người có các *năng lực* khác nhau, không phải là *phong cách học tập* khác nhau. Một số người đọc tốt hơn những người khác; một số nghe tốt hơn những người khác. Nhưng phần lớn các tác vụ mà chúng ta phải đối mặt thường chỉ phù hợp với một loại học tập. Ví dụ, bạn không thể nào hình ảnh hoá một phát âm tiếng Anh chuẩn.

Ý tưởng về “phong cách học tập” trở nên cực kỳ phổ biến vào khoảng cuối năm 2014⁸, rất nhiều giáo viên đã tin vào nó. Mô hình này ban đầu có vẻ rất hứa hẹn, với ý tưởng về khám phá những bí ẩn của các tiến trình não bộ chỉ với vài câu hỏi. Kỳ lạ thay, phần lớn các nghiên cứu về phong cách học tập đều bắt đầu với một mô tả tích cực về lý thuyết này - trước khi chỉ ra rằng chúng không hiệu quả⁹.

Willingham thậm chí còn cho rằng mọi người nên dừng việc suy nghĩ rằng họ là kiểu người học tập gì. “Nó cũng không phải việc gì quá tệ < khi bạn tin vào mô hình đó >, nhưng nó cũng không có lợi ích gì. Mọi người đều có khả năng suy nghĩ bằng lời, mọi người đều có khả năng suy nghĩ bằng các hình ảnh tâm trí. Sẽ tốt hơn nếu như nghĩ rằng mọi người đều có một bộ dụng cụ với nhiều công cụ để suy nghĩ, và hãy tự ngẫm xem, công cụ nào là tốt nhất?”

Fleming trong các nghiên cứu của mình đều cảnh báo về việc không nên để bị cuốn theo mô hình VARK. “Tôi đôi khi nhận thấy rằng học sinh và giáo viên đã tin tưởng vào VARK nhiều hơn so với những cảnh báo mà chính mô hình đó đã đặt ra. Bạn có thể thích một kiểu nào đó, nhưng làm tốt với kiểu đó hay không lại là một chuyện

8 Howard-Jones, P. A. (2014). Neuroscience and education: myths and messages. *Nature Reviews Neuroscience*, 15(12), 817-824.

9 <https://www.thecut.com/2015/12/one-reason-the-learning-styles-myth-persists.html>



khác... VARK giúp bạn biết rằng bạn thích giao tiếp kiểu gì, nhưng không hề nói về chất lượng của kiểu giao tiếp đó.”¹⁰

Nói cách khác, nó có thể giúp bạn học về bản thân, nhưng nó có vẻ không giúp gì cho việc học tập của bạn.

10 Fleming, N., & Baume, D. (2006). Learning Styles Again: VARKing up the right tree!. *Educational developments*, 7(4), 4.



[30± FRAMEWORKS GIÁO DỤC] - KỲ 5 - IB LEARNER PROFILE

Đức Hoàng

PHÁT TRIỂN BỞI: Tổ chức Tú tài Quốc tế - The International Baccalaureate. IB là một tổ chức Phi lợi nhuận, thành lập vào năm 1960 tại Thụy Sĩ, hiện nay có thêm trụ sở tại Hà Lan.

Thuật ngữ IB có thể hiểu là chính tổ chức IB, hay có thể đại diện cho các chương trình mà IB đang triển khai, bao gồm PYP (Primary Years Programme), MYP (Middle Years Programme), DP (Diploma Programme), hoặc CP (Career-related Programme). Trong đó, chỉ có bậc DP là cấp bằng Tú tài, dành cho học sinh từ 16 đến 19 tuổi.

MỤC ĐÍCH VÀ LỊCH SỬ: Hiện nay, IB được coi là chương trình phổ thông danh giá nhất bởi nhiều người cho rằng nó là đường tắt để dẫn vào các trường đại học hàng đầu. Tuy nhiên,

mục đích chính của IB là thách thức, đề xướng một tổ hợp các thuộc tính và định hướng để có thể phát triển quá trình giáo dục toàn diện.

Năm 1948, Marie Therese Maurette (một nhà sư phạm người Pháp sinh sống tại Thụy Sĩ và được truyền cảm hứng từ các tổ chức quốc tế có trụ sở tại đây) đã trình bày một tiểu luận "Các kỹ thuật Giáo dục vì sự Hoà bình: Liệu chúng có tồn tại?" (Educational techniques for peace: Do they exist?). Chính nội dung của tiểu luận này là khung nền tảng cho sự phát triển của chương trình IB sau này. Vào khoảng giữa thập niên 1960, một nhóm giáo viên của Trường Quốc tế Geneva (Ecolint) đã tạo ra Tổ chức khảo thí trường quốc tế (ISES), sau này trở thành Văn phòng tú tài quốc tế (IBO - IB Office), sau đó là Tổ chức tú tài quốc tế (IBO - IB Organization), và sau đó là đổi tên thành (IB) vào năm 2007.



Chúng tôi gắn kết với các vấn đề và ý tưởng có ý nghĩa bản địa và toàn cầu.

Thinkers - (Những người) Tư duy

Chúng tôi sử dụng các kỹ năng tư duy phê phán và sáng tạo để phân tích và thực hiện hành động có trách nhiệm đối với các vấn đề phức tạp. Chúng tôi thực thi sáng kiến việc đưa ra các quyết định hợp lý, đạo đức.

Communicators - (Những người) Giao tiếp

Chúng tôi thể hiện bản thân một cách tự tin và sáng tạo bằng nhiều ngôn ngữ và theo nhiều cách. Chúng tôi hợp tác hiệu quả, lắng nghe cẩn thận quan điểm của các cá nhân và nhóm khác.

Principled - Có nguyên tắc

Chúng tôi hành động với sự chính trực và trung thực, với ý thức mạnh mẽ về sự công bằng và công lý, tôn trọng phẩm giá và quyền lợi của mọi người ở khắp mọi nơi. Chúng tôi chịu trách nhiệm cho hành động của mình và hậu quả của chúng.

Open-minded - Cởi mở

Chúng tôi đánh giá cao giá trị văn hóa và lịch sử của bản thân, cũng như các giá trị và truyền thống của người khác. Chúng tôi tìm kiếm và đánh giá một loạt các quan điểm đa chiều và sẵn sàng học hỏi từ các bài học, kinh nghiệm.

Caring - Quan tâm

Chúng tôi thể hiện sự đồng cảm, lòng trắc ẩn và sự tôn trọng. Chúng tôi có một cam kết phục vụ và hành động để tạo ra sự khác biệt tích cực trong cuộc sống của mọi người và thế giới xung quanh chúng tôi.

Risk-takers - Dám đón nhận rủi ro

Chúng tôi tiếp cận sự không chắc chắn với suy nghĩ và quyết tâm; chúng tôi làm việc độc lập và hợp tác để khám phá những ý tưởng mới và chiến lược đổi mới. Chúng tôi tháo vát và kiên

ĐỘ TUỔI: K-12

ÁP DỤNG: Đến 7/2019, chương trình IB được giảng dạy tại 5,100 trường học trên 150 quốc gia và vùng lãnh thổ.

IB LEARNER PROFILE - Những đặc tính học thuật IB, được trình bày dưới dạng tuyên ngôn của người học

Inquirers - (Những người) Tìm tòi học hỏi

Chúng tôi nuôi dưỡng sự tò mò của bản thân, phát triển các kỹ năng để tìm hiểu và nghiên cứu. Chúng tôi biết cách học độc lập và với người khác. Chúng tôi học hỏi với sự nhiệt tình và duy trì tình yêu học tập trong suốt cuộc đời.

Knowledgeable - Có hiểu biết

Chúng tôi phát triển và sử dụng sự hiểu biết, khám phá kiến thức trên một loạt các quy tắc.

cường khi đối mặt với những thách thức và thay đổi.

Balanced - Cân bằng

Chúng tôi hiểu tầm quan trọng của việc cân bằng các khía cạnh khác nhau trong cuộc sống: trí tuệ, thể chất và cảm xúc để đạt được hạnh phúc cho bản thân và những người khác. Chúng tôi nhận ra sự phụ thuộc lẫn nhau với những người khác và với thế giới chúng ta đang sống.

Reflective - Phản tư

Chúng tôi xem xét thế giới, những ý tưởng và kinh nghiệm của mình một cách chu đáo. Chúng tôi làm việc để hiểu điểm mạnh, điểm yếu của mình để hỗ trợ việc học tập và phát triển cá nhân

MỘT SỐ TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Maurette, M. T. (1948). Educational techniques for peace: Do they exist. The United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000158270>

International Baccalaureate Organization. (2013). The IB Learner Profile. Retrieved from: <https://www.ibo.org/contentassets/fd-82f70643ef4086b7d3f292cc214962/learner-profile-en.pdf>

International Baccalaureate Organization. (2017). What is an IB Education? Retrieved from: <https://www.ibo.org/globalassets/what-is-an-ib-education-2017-en.pdf>

Lee, M., Spinks, J.A., Wright, E., Dean, J., & Ryoo, J.H. (2017). A Study of the Post-Secondary Outcomes of IB Diploma Alumni in Leading Universities in Asia Pacific: Report for the International Baccalaureate Organization. Bethesda, MD, USA: International Baccalaureate Organization. Retrieved from: <https://www.ibo.org/globalassets/publications/ib-research/dp/postsecondary-outcomes-asia-pacific-full-report-en.pdf>





Học sinh tiểu học Mỹ học về ô nhiễm môi trường

Thu Hồng¹

Một con rùa bị biến dạng thân thể to ngang với chiếc mai rùa bị vụn vẹo xoay trong chiếc bình nhựa trôi dạt lên bờ biển. Đó là hình ảnh các em học sinh của tôi ấn tượng nhất khi tôi cho học sinh lớp 3 của mình xem đoạn video nói về biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường. Từ hình ảnh đó, chúng tôi-cả cô lẫn trò- đã có những chia sẻ, hỏi đáp, bàn luận... vô cùng phong phú về sự thương cảm dành cho bạn rùa và những loài vật khác, về ảnh hưởng của con người đến môi trường, về các loại ô nhiễm, về hệ sinh thái, về

sự biến đổi của nhiệt độ và trái đất, về những cách các em có thể làm để ngày càng ít hơn những hình ảnh đau lòng trên...

Chương trình môn khoa học tự nhiên (science) trong bậc tiểu học ở Mỹ đề cập đến thiên nhiên, sự sống nói riêng và môi trường nói chung cũng như tác động của con người đến môi trường từ lớp mẫu giáo và được lặp lại xuyên suốt trong các khối lớp cho đến hết cấp 1 (lớp 5). Riêng chủ đề về tác động của con người đến môi trường được khai thác sâu thành chương riêng bắt đầu từ lớp 2.

¹ Giáo viên Học khu Gwinnett, tiểu bang Georgia, MEd- thạc sĩ giáo dục chuyên ngành tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai/ESL

Việc dạy cho các em về tác động của con người



đến môi trường sống được thực hiện với nhiều phương pháp, bài học, góc nhìn phong phú, cho các em có sự hiểu biết vừa tổng quát vừa chuyên sâu, vừa thực tiễn vừa sáng tạo. Đó có thể là dự án STEM về thiết kế vườn trường để giảm ô nhiễm không khí trong giờ tan học, là cùng đọc hay nghe truyện The Lorax của Dr. Seuss để thấy các loại ô nhiễm do con người gây ra khi chặt cây, hay là hoạt động trang trí túi giấy đựng đồ trong các siêu thị vào dịp ngày Trái đất (Earth Day), là thí nghiệm nhỏ về số lượng rác thải rắn tại các khu vực khác nhau của khuôn viên trường học, hay là việc nhắc nhau lấy giấy đã dùng một mặt để làm giấy nháp, rồi bỏ những chiếc bút đã hết mực vào thùng tái chế/recycle của Crayola để trong phòng học vẽ... Việc hiện thực hóa những khẩu hiệu giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng (reduce, recycle, reuse) được không chỉ thầy trò mà mọi thành viên trong trường tuân thủ với nhiều hình thức vô cùng phong phú.

Những giáo trình khoa học tự nhiên tôi đã và đang dùng là STEMScope và Inspire. Điều đặc biệt là mỗi tiểu bang có giáo trình riêng của mình: tức là STEMScope của Georgia khác với STEMScope của California, hay Inspire của Texas khác với Inspire của Colorado... Vì những vấn đề về môi trường của mỗi địa phương, thành phố hay tiểu bang khác nhau, hệ sinh thái và điều kiện thiên nhiên mỗi tiểu bang khác nhau, rồi bộ tiêu chuẩn (Standards) trong khung chương trình cũng khác nhau.

Tuy nhiên, sách giáo khoa chỉ là một phần rất nhỏ trong danh sách các loại nguồn học liệu chúng tôi dùng. Nhiều khi từ đầu đến cuối chương, cô trò chỉ dùng đến sách giáo khoa 1-2 lần. Còn rất nhiều Những yếu tố online và offline khác giúp việc truyền đạt, tìm hiểu khái niệm hay bài học

khoa học hiệu quả như các công cụ hình ảnh (visual aids) giúp các em hiểu ngôn ngữ khoa học chuyên ngành (terminologies, academic vocabulary), các hoạt động trải nghiệm (hands-on activities), hay những trò chuyện, trao đổi, cập nhật trong và ngoài giờ học môn khoa học tự nhiên (science)...

Dùng hay không dùng sách giáo khoa, các bài học/dự án về môi trường nói riêng và khoa học nói chung đều được thực hiện theo quy trình 5E: Engage- Explore- Explain- Elaborate- Evaluate (Khơi gợi- Khám phá- Giải thích- Phát triển- Đánh giá. Như bài học về tác động của con người đến môi trường xung quanh có thể được mở đầu/khơi gợi bằng một Youtube hay Brainpop video ngắn hoặc hình ảnh về ô nhiễm môi trường để các em nêu ra những câu hỏi (Engage). Sau đó các em được làm thí nghiệm với những nguyên liệu đơn giản như cốc nước, bông/cành hoa nhỏ, dầu ăn, vụn giấy...để nhìn thấy môi trường thay đổi thế nào sau khi con người đổ dầu xuống, đổ rác thải... (Explore). Ở bước Explain, thầy cô giải thích, cung cấp thông tin về những cách thức khác nhau con người tác động đến môi trường. Ở bước phát triển (Elaborate), thầy trò có thể cùng đọc thêm những bài viết về đề tài này hoặc làm các bài toán đố, lập đồ thị với những số liệu liên quan đến những hoạt động của con người đối với môi trường. Trong bước cuối cùng- đánh giá (Evaluate), các em sẽ có nhiều cách để thể hiện những hiểu biết của mình về tác động của con người đến môi trường: đó có thể là một bài kiểm tra, hay một bài văn dạng cung cấp thông tin (informational text), hay một dạng đồ họa (graphic)... Yếu tố mấu chốt là làm các em hiểu những gì các em học được đều xuất phát và liên quan đến thực tiễn, đều là thế giới xung quanh mình.

Những trang web hay để khơi gợi và cung cấp thông tin, ý tưởng cho các đề tài về môi trường

nói chung và biến đổi khí hậu nói riêng:

1. Khơi gợi câu hỏi, mở đầu thảo luận:
 - Wonderopolis: <https://wonderopolis.org/>
 - National Geographic Photo of the Day: <https://www.nationalgeographic.com/photography/photo-of-the-day/2020/04/siberia-immigrant-textile-factory/>
2. Các ý tưởng bài học phong phú:
 - PBS Learning Media: <https://www.pbslearningmedia.org/resource/buac17-912-sci-ess-oceanoverturn/global-ocean-currents/#.XoPRK6hKiUk>
 - Mystery Science: <https://mysteryscience.com/>
3. STEM:
 1. Stemfinity <https://www.stemfinity.com/>
 2. Teaching Channel: https://www.teachingchannel.org/videos?page=1&categories=subjects_math&load=1
 3. CK12: <https://www.ck12.org/>
 4. Concord: <https://learn.concord.org/>
 5. US Department of Energy: <https://energy.gov/scienceinnovation/stem>
 6. STEM Activities for Kids: <https://bitly.vn/7a0g>
 7. STEM Collaborative: <http://www.stemcollaborative.org/>

Ban Biên tập Lộn xộn

Hoàng Anh Đức

Đặng Thanh Giang

Lê Thanh Hằng

Nguyễn Linh Chi | My Baby

Tạ Ngọc Thuý | EdLab Asia

Đoàn Phương Thực | My Baby

Nguyễn Yến Chi | EdLab Asia

Nguyễn Thị Hải Diệu | Wise Consulting Finland

Nguyễn Yến Chi | EdLab Asia

Đào Quỳnh Anh | My Baby

Lê Nhật Hoa | EdLab Asia

Trần Phương Huyền | ĐH Ngoại thương

Nguyễn Ngọc Quang | EdLab Asia

Đinh Thu Hồng | Mount Zion Primary School

Logo | Hà Dũng Hiệp

Chế bản | Quách Anh, Đỗ Anh Sơn

Liên hệ: bientap@day-hoc.org



CONSORTIUM for
NEW EDUCATION

Đầu tư & Học

“Học để Dạy, và Dạy để Học